

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRIỆU THỊ MỸ

THI PHÁP XÂY DỰNG NHÂN VẬT PHẢN DIỆN
TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÌNH DÂN

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN - 2017

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRIỆU THỊ MỸ

**THI PHÁP XÂY DỰNG NHÂN VẬT PHẢN DIỆN
TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM BÌNH DÂN**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.01.21

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Ngô Thị Thanh Nga

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là do tôi viết. Mọi số liệu, tư liệu cũng như kết quả nghiên cứu là của riêng tôi.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2017

Tác giả luận văn

Triệu Thị Mỹ

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến TS. Ngô Thị Thanh Nga - người đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình chỉ bảo tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các quý thầy cô trong Ban giám hiệu, Khoa Ngữ văn, Ban chủ nhiệm cùng quý thầy cô trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn những người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ, tạo mọi điều kiện cho tôi trong suốt thời gian học tập và hoàn thiện luận văn.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2017

Tác giả luận văn

Triệu Thị Mỹ

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu	2
3. Mục đích nghiên cứu	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	6
6. Phương pháp nghiên cứu	6
7. Đóng góp của luận văn	7
8. Cấu trúc luận văn.....	7
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	8
1.1. Một số vấn đề chung của truyện Nôm.....	8
1.1.1. Khái niệm truyện Nôm	8
1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển truyện Nôm.....	10
1.1.3. Phân loại truyện Nôm.....	19
1.2. Thi pháp và thi pháp nhân vật	21
1.2.1. Thi pháp	21
1.2.2. Thi pháp nhân vật	22
1.3. Nhân vật văn học và nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân	24
1.3.1. Nhân vật văn học	24
1.3.2. Nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân	26
1.4. Giới thiệu khái quát một số tác phẩm truyện Nôm bình dân	27
1.4.1. Truyện Thạch Sanh.....	27
1.4.2. Truyện Tống Trân - Cúc Hoa	29
1.4.3. Truyện Phạm Tải - Ngọc Hoa	30

Chương 2: XUẤT THÂN, NGOẠI HÌNH, TÂM LÝ VÀ NGÔN NGỮ CỦA NHÂN VẬT	32
2.1. Xuất thân và ngoại hình của nhân vật	32
2.1.1. Xuất thân.....	32
2.1.2. Ngoại hình	38
2.2. Tâm lý nhân vật	39
2.3. Ngôn ngữ	45
2.3.1. Ngôn ngữ đối thoại	46
2.3.2. Ngôn ngữ độc thoại	54
Chương 3: TÍNH CÁCH VÀ HÀNH VI CỦA NHÂN VẬT	58
3.1. Tính cách nhân vật.....	58
3.2. Hành vi của nhân vật	64
KẾT LUẬN	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Truyện Nôm là một thể loại văn học có số lượng tác phẩm đồ sộ, nở rộ vào khoảng thế kỷ XVIII, XIX. Là thể loại có vị trí quan trọng trong nền văn học cổ điển Việt Nam, truyện Nôm đã được tìm hiểu, nghiên cứu ở nhiều góc độ, nhiều phương diện khác nhau nhằm làm rõ nguồn gốc và bản chất thể loại. Đồng thời, việc nghiên cứu nội dung và nghệ thuật của truyện Nôm, tìm hiểu các nhân vật trong truyện Nôm nói chung và truyện Nôm bình dân cũng được quan tâm nghiên cứu.

Thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân tuy đã được đề cập đến, song chưa công trình nào thực hiện một cách hệ thống. Đây là vấn đề còn mở rộng đối với những người muốn tiếp tục đi sâu, khám phá về thể loại này.

1.2. Đối với loại hình tự sự, nhân vật chính là tín hiệu nghệ thuật rất quan trọng. Hơn nữa với tư cách là một thể loại đặc biệt - tiểu thuyết bằng thơ, truyện Nôm bình dân phản ánh bộ mặt đời sống xã hội thông qua số phận, tính cách của nhân vật. Trong hệ thống nhân vật của các tác phẩm truyện Nôm bình dân, không thể không kể đến vai trò quan trọng của hệ thống nhân vật phản diện. Tìm hiểu, nghiên cứu hệ thống nhân vật phản diện trong mối tương quan so sánh giữa một số truyện Nôm bình dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xác định những nét riêng và cả những nét chung khái quát của kiểu nhân vật này, từ đó đặt nhân vật phản diện trong toàn bộ tổng thể tác phẩm để thấy được bức tranh xã hội rộng lớn mà các tác giả thời trung đại phản ánh trong truyện Nôm.

Với những lý do trên, tôi mạnh dạn thực hiện đề tài ***“Thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân”*** nhằm khẳng định giá trị nổi bật về thi pháp trong xây dựng nhân vật phản diện của truyện Nôm bình dân, từ đó thấy được những thành tựu chung của thể loại truyện

Nôm. Đồng thời việc nghiên cứu này cũng góp thêm những góc nhìn mới, giúp cho công tác giảng dạy, học tập truyện Nôm bình dân có chiều sâu và hiệu quả hơn.

2. Lịch sử nghiên cứu

Truyện Nôm là một bộ phận văn học khá độc đáo và có giá trị của nền văn học trung đại Việt Nam. Đây là một loại hình tự sự có khả năng phản ánh hiện thực với một phạm vi tương đối rộng. Vì vậy, nghiên cứu truyện Nôm là cả “một chặng đường lịch sử”. Là một thể loại lớn với quá trình phát triển lâu dài, việc nghiên cứu truyện Nôm là một vấn đề phức tạp nhưng rất được giới nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Trải qua thời gian trên dưới 200 năm, việc tìm hiểu, nghiên cứu truyện Nôm đem đến cho chúng ta nhiều cách hiểu, nhiều góc độ nhìn nhận khác nhau để từ đó thấy được những phương diện khác nhau của nhân sinh cũng như nghệ thuật.

Cuối thế kỷ XVII, truyện Nôm đã phát triển nhưng nhiều lần bị cấm khắc in, lưu hành. Điều 35 trong 47 điều lệ hóa giáo, công bố vào năm Quý Mão, niên hiệu Cảnh Trị nguyên niên (1663) đời Lê Huyền Tông, ở sách *Lê Triều chiếu lệnh thiện chính* là một minh chứng. Trong đời sống văn học nói chung, có sáng tác chắc hẳn sẽ có sự thưởng thức, phê bình. Triều đình càng cấm đoán truyện Nôm, nhân dân càng lưu truyền và yêu thích thể loại này, đồng thời thể loại ngày càng phát triển rực rỡ ở thế kỷ XVIII, XIX càng chứng tỏ giá trị cũng như sức sống và những đóng góp quan trọng của thể loại này.

Các nhà nghiên cứu đã căn cứ vào mối quan hệ giữa nội dung tác phẩm và hiện thực đời sống xã hội, căn cứ vào tài liệu cấm đoán của giai cấp thống trị, căn cứ vào hình thức ngôn từ và thể loại mà đi đến một nhận định sơ bộ về sự phát triển của bộ phận văn học này như sau: Chính giai đoạn lịch sử từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX là giai đoạn bộ phận văn học này ra đời và phát triển, thời kỳ cực thịnh của nó là thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX. Phần lớn các truyện Nôm

lưu hành hiện nay cũng ra đời trong hai thế kỷ này. Sang đầu thế kỷ XX việc sáng tác truyện Nôm dần dần chấm dứt vì thể loại văn xuôi mới ra đời đã đủ sức thay thế nó để phản ánh những vấn đề của hiện thực đời sống xã hội.

Các truyện Nôm bình dân như *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và tìm hiểu nhưng trên phương diện thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong tác phẩm thì thực sự chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu. Sự nghiên cứu của những người đi trước đa phần chỉ tập trung vào những vấn đề cụ thể ở từng tác phẩm riêng lẻ.

Truyện Nôm bình dân thường được viết dựa theo những câu chuyện cổ dân gian của ta, chứ không phải dựa theo những cốt truyện của Trung Quốc như truyện Nôm bác học. Nói cách khác, đó là những truyện dân gian được các nho sĩ bình dân nhận thức lại trên bối cảnh thực tế của tình hình lịch sử xã hội nước ta giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, và được diễn ca lại bằng thể thơ lục bát. Hiện nay, vẫn còn có những truyện cổ tích song song tồn tại với những truyện Nôm bình dân. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu tìm hiểu ba truyện Nôm bình dân tiêu biểu là *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*. Về những tác phẩm này, có thể thấy một số công trình nghiên cứu đáng chú ý:

Trước hết phải kể đến công trình nghiên cứu: *Khảo luận về truyện Thạch Sanh* của Hoa Bằng (1957). Phần đầu của cuốn sách, tác giả nhận định giá trị của truyện *Thạch Sanh*. Phần thứ hai, ông hiệu đính và chú giải truyện *Thạch Sanh*. Phần cuối là tập hợp các bản kể *Thạch Sanh*.

Đến năm 1972, Phan Nhật có bài *Tìm hiểu truyện Thạch Sanh ở Cao Bình, Hòa An, Cao Bằng*. Ông giới thiệu việc lưu truyền của truyện *Thạch Sanh* và đi sâu tìm hiểu truyện *Thạch Sanh* trong môi trường lưu truyền các truyện cổ dân gian vùng Cao Bình, Hòa An để nỗ lực chứng minh truyện *Thạch Sanh* đã được phổ biến rộng rãi trong đời sống văn hóa ở Hòa An, Cao Bằng và sau đó được lưu truyền rộng khắp trong cả nước. Song theo ông, đây chưa phải là kết luận dứt

khoát về mặt nguồn gốc của truyện *Thạch Sanh* nhưng tác phẩm vẫn là thành tựu văn học đáng ghi nhận của cả nước.

Công trình nghiên cứu *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á* của tác giả Nguyễn Thị Bích Hà đã dành một phần nhỏ để xác định khái niệm về kiểu truyện và mô típ. Từ đó, tác giả đi đến việc lựa chọn những truyện có các mô típ tương tự với mô típ của truyện *Thạch Sanh*. Ở chương đầu của công trình, tác giả khảo sát sự diễn hóa của các mô típ truyện *Thạch Sanh*. Trong chương hai, tác giả xác định hai nhân vật chính của truyện, sau đó tiến hành xâu chuỗi các mô típ vào cốt truyện để từ đó, xây dựng lược đồ kết cấu của cốt truyện *Thạch Sanh*. Đến chương cuối, tác giả phân tích và so sánh truyện *Thạch Sanh* với kiểu truyện *Thạch Sanh* ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Về truyện *Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa* cũng được giới quan tâm nghiên cứu. Đáng chú ý là bài viết *Phạm Tải Ngọc Hoa - một truyện Nôm khuyết danh có giá trị* của Lê Hoài Nam - *Tạp san Nghiên cứu Văn học* - số 8/1960.

Các tác giả Văn Tân, Vũ Ngọc Phan... cũng có bài viết về tác phẩm *Phạm Tải - Ngọc Hoa* in trong cuốn *Lịch sử văn học Việt Nam*, quyển 3, NXBKHXH, 1980.

Tác giả Đặng Thanh Lê với bài viết: *Nhân vật phụ nữ qua một số truyện Nôm*, đăng trên Tạp chí Văn học, số 2/1968 cũng đã tìm hiểu và nghiên cứu truyện *Tống Trân - Cúc Hoa* trên phương diện nguồn gốc, bản chất, nghệ thuật và nhân vật nhưng chưa thực sự có được cái nhìn toàn diện.

Trong các bài viết đã chỉ ra ở trên, các nhà nghiên cứu đã tìm hiểu về tác giả, nguồn gốc truyện, nội dung và nghệ thuật xây dựng trong truyện. Tuy nhiên, các tác giả mới có những nhận xét, đánh giá khái quát bước đầu, việc tìm hiểu chưa thành hệ thống, đặc biệt là tìm hiểu về nhân vật phản diện ở từng tác phẩm trong mối quan hệ với các truyện Nôm bình dân khác chưa được nghiên cứu cụ thể. Vì vậy, việc tìm hiểu thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong truyện

Nôm bình dân còn là một hướng đi mới cho những ai đam mê văn học trung đại nói chung và thể loại truyện Nôm nói riêng.

Nhìn chung, qua khảo sát tình hình nghiên cứu các truyện Nôm *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, chúng tôi thấy rằng vấn đề thi pháp xây dựng nhân vật mặc dù cũng đã được quan tâm song dường như các tác giả mới chỉ có những nhận xét, phân tích đánh giá bước đầu ở từng tác phẩm cụ thể mà chưa có sự tìm hiểu sâu và hệ thống về thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân tiêu biểu. Vì thế việc tìm hiểu *Thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân* vẫn là một hướng mở mới cho người nghiên cứu. Những lời nhận xét, đánh giá của các nhà nghiên cứu sẽ là những gợi quý báu giúp chúng tôi trong qua trình thực hiện đề tài. Với đề tài này, chúng tôi hi vọng sẽ có ít nhiều đóng góp cho việc tìm hiểu thêm những giá trị vẫn còn tiềm tàng trong thế giới truyện Nôm, đặc biệt là truyện Nôm bình dân - một thành tựu văn học xuất sắc của dân tộc nhưng chưa được quan tâm nghiên cứu xứng đáng so với kho tàng truyện Nôm bác học.

3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của chúng tôi khi thực hiện luận văn này là chỉ ra những nét thi pháp cơ bản trong việc xây dựng nhân vật phản diện ở một số truyện Nôm bình dân. Qua đó, chúng tôi làm rõ hơn quan niệm của tác giả truyện Nôm về kiểu con người phản diện trong đời sống lịch sử, xã hội. Đồng thời, luận văn này cũng góp phần làm rõ hơn về giá trị, sự phong phú của truyện Nôm bình dân nói riêng trong lịch sử phát triển của thể loại truyện Nôm nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn này nghiên cứu về thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân. Trong luận văn này, chúng tôi lựa chọn một số

truyện Nôm tiêu biểu là: *Thạch Sanh, Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa*.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn chủ yếu tập trung vào nghiên cứu một số truyện Nôm bình dân tiêu biểu cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. Chúng tôi lựa chọn những tác phẩm gần gũi, điển hình cho những đặc trưng nghệ thuật của thể loại truyện Nôm bình dân để nghiên cứu. Cụ thể là ba truyện Nôm bình dân tiêu biểu:

- + Truyện *Thạch Sanh*
- + Truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*
- + Truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tìm hiểu những vấn đề chung có liên quan tới đề tài như một số vấn đề truyện Nôm, thi pháp và thi pháp nhân vật, vài nét khái quát về nội dung các truyện Nôm tiêu biểu...

- Tìm hiểu và phân tích thi pháp xây dựng nhân vật phản diện cơ bản trong ba truyện Nôm bình dân tiêu biểu là *Thạch Sanh, Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa*.

- Trong một chừng mực nhất định, chúng tôi so sánh với một số nét thi pháp cơ bản trong việc xây dựng nhân vật chính diện của loại truyện Nôm bình dân này.

6. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài việc vận dụng lý luận về phương pháp nghiên cứu, phương pháp phân tích tác phẩm văn học, đề tài này còn sử dụng các thao tác và các phương pháp cụ thể như sau:

+ Phương pháp nghiên cứu thi pháp học để lý giải, cắt nghĩa các hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm.

+ Phương pháp nghiên cứu lịch sử - văn hóa học để xác định mối tương quan giữa hình tượng nhân vật trong tác phẩm và sự liên hệ với hiện thực đời sống, bối cảnh văn hóa - xã hội đương thời.

+ Thao tác thống kê, phân loại (nhằm cung cấp những số liệu chính xác, tạo cơ sở tin cậy cho những kết luận đưa ra ở luận văn).

+ Thao tác so sánh: So sánh thi pháp xây dựng nhân vật phản diện giữa một số truyện Nôm bình dân tiêu biểu để thấy được sự giống và khác nhau giữa thi pháp xây dựng nhân vật, từ đó có những lý giải cụ thể.

+ Thao tác phân tích tổng hợp.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi vận dụng đan xen, phối hợp hài hòa giữa các thao tác và các phương pháp trên để làm rõ vấn đề nghiên cứu.

7. Đóng góp của luận văn

Luận văn “*Thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân*” đã nghiên cứu về nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân tiêu biểu như *Thạch Sanh*, *Tống Trân – Cúc Hoa*, *Phạm Tải – Ngọc Hoa* trong cái nhìn so sánh, từ đó thấy được những đặc trưng bản chất về tính cách, hành vi, ngôn ngữ... của các nhân vật phản diện trong kiểu truyện Nôm bình dân này. Qua đó, luận văn cũng khái quát những đặc điểm xây dựng kiểu nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân nói chung.

Luận văn “*Thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân*” là công trình khoa học nghiên cứu một cách hệ thống về các nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân. Luận văn cũng góp thêm một tài liệu tham khảo hữu ích cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập truyện Nôm bình dân nói chung.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo*, phần *Nội dung* của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung có liên quan đến đề tài

Chương 2: Xuất thân, ngoại hình, tâm lý và ngôn ngữ của nhân vật phản diện

Chương 3: Tính cách và hành vi của nhân vật phản diện

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Một số vấn đề chung của truyện Nôm

1.1.1. Khái niệm truyện Nôm

Truyện Nôm là thể loại thuộc loại hình tự sự, tiêu biểu cho văn học cổ điển Việt Nam. Tác phẩm được viết bằng thơ và sử dụng ngôn ngữ dân tộc (chữ Nôm) để sáng tác nên gọi là truyện thơ Nôm (thường gọi tắt là truyện Nôm). Truyện Nôm trải qua quá trình phát triển lâu dài, là thể loại tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Những tác phẩm truyện Nôm đầu tiên xuất hiện vào khoảng thế kỷ XVI và phát triển thực sự mạnh mẽ ở thế kỷ XVIII, XIX. Với nội dung tư tưởng mang nhiều ý nghĩa tiến bộ, kết hợp với hình thức nghệ thuật mang tính dân tộc (chữ Nôm, thể thơ lục bát), truyện Nôm đã biểu hiện sâu sắc truyền thống nhân đạo Việt Nam - một truyền thống quý giá của dân tộc. Là thể loại có vị trí quan trọng trong nền văn học trung đại Việt Nam, truyện Nôm đã được nghiên cứu trong rất nhiều công trình khoa học. Trong những nghiên cứu đó, các tác giả đã đưa ra những định nghĩa, khái quát những đặc trưng cơ bản, điển hình nhất của thể loại này. Ở đây, chúng tôi có thể điếm qua một vài định nghĩa đáng chú ý.

Nói về đặc trưng của truyện Nôm, trước hết cần chỉ ra được những nét cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, thể thơ, ngôn ngữ... Từ những vấn đề cơ bản đó, các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn sách “Từ điển thuật ngữ văn học” đưa ra định nghĩa về truyện Nôm: “*Thể loại tự sự bằng thơ dài rất tiêu biểu cho văn học cổ điển Việt Nam, nở rộ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, do viết bằng tiếng Việt, ghi bằng chữ Nôm nên được gọi là truyện Nôm*” [7, tr.372].

Truyện Nôm là thể loại có nhiều giá trị đặc sắc, được các nhà nghiên cứu văn học quan tâm tìm hiểu. Cũng nghiên cứu về truyện Nôm, tác giả Lã Nhâm Thìn đưa ra định nghĩa: *“Truyện Nôm là loại hình tự sự bằng thơ dùng ngôn ngữ văn tự dân tộc - chữ Nôm để sáng tác. Xét về thể thơ, một số tác phẩm được viết bằng thể thơ Đường luật, gọi là Truyện thơ Đường luật (như truyện Vương Tường, Lâm tuyền kì ngộ, Tô Công phụng sứ, ...). Nhưng phần lớn truyện Nôm được viết bằng thể thơ lục bát. Do đó nhiều khi, khái niệm truyện Nôm được dùng để chỉ những tác phẩm truyện thơ lục bát”* [53, tr. 237].

Đặc trưng cơ bản nhất của thể loại truyện Nôm là hình thức tự sự bằng thơ và dùng chữ Nôm làm ngôn ngữ sáng tác. Tên gọi của thể loại cũng được xác lập từ những đặc trưng đó. Truyện Nôm trước hết là truyện - tức là mang bản chất của loại hình tự sự, nhưng nét đặc biệt là câu chuyện đó lại được viết dưới hình thức thơ. Như vậy, tác phẩm là sự kết hợp, hòa trộn của cả hai loại hình tự sự và trữ tình. Mạch tự sự làm cho tác phẩm có cốt truyện, có diễn biến, có nhân vật, có những sự kiện quan trọng... Tính trữ tình giúp cho câu chuyện được kể thấm đẫm chất thơ, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, câu thơ có nhạc điệu... Cả hai dòng chảy đó cùng hòa chung làm nên một thể loại điển hình, có số lượng tác phẩm vào loại đồ sộ, với những tác phẩm đạt đến đỉnh cao của cả nền thơ ca cổ điển Việt Nam.

Truyện Nôm là một thể loại có quá trình hình thành và phát triển lâu dài, trải qua một quá trình lịch sử với nhiều biến động nên có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về thể loại này. Bên cạnh định nghĩa của các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đưa ra trong *“Từ điển thuật ngữ văn học”*, nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đưa ra những cách hiểu, quan niệm của mình về thể loại này. Trong cuốn sách *“Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại”*, nhà nghiên cứu Lã Nhâm Thìn đã chỉ ra những vấn đề cơ bản của thể loại truyện Nôm: *“Truyện Nôm là loại hình tự sự bằng thơ dùng ngôn ngữ văn tự dân tộc - chữ Nôm để sáng tác. Xét về thể thơ, một số tác phẩm được viết bằng thể*

thơ Đường luật, gọi là Truyện thơ Đường luật (như truyện Vương Tường, Lâm tuyền kì ngộ, Tô Công phụng sứ, ...). Nhưng phần lớn truyện Nôm được viết bằng thể thơ lục bát. Do đó nhiều khi, khái niệm truyện Nôm được dùng để chỉ những tác phẩm truyện thơ lục bát”[53, tr.237].

Định nghĩa về truyện Nôm của nhà nghiên cứu Lã Nhâm Thìn đã cho thấy rõ hơn những đặc trưng về mặt hình thức của thể loại này. Tác phẩm truyện Nôm có thể viết bằng thể thơ Đường luật, nhưng số lượng những tác phẩm đó chỉ chiếm một phần nhỏ trong toàn bộ thể loại, những tác phẩm thuộc loại đó không nhiều, cũng không phải là những tác phẩm đạt được thành tựu đáng kể. Phần lớn truyện Nôm được viết bằng thể thơ lục bát. Thơ lục bát là thể loại thuần túy dân tộc, bắt nguồn từ những bài ca dao, dân ca đã có từ rất lâu đời trong nền văn học dân gian. Giọng điệu trữ tình mượt mà, đầm thắm, uyển chuyển xuất phát từ ngôn ngữ của những người bình dân đã thấm đẫm và truyền tải được những tâm sự của các tác giả trung đại dưới thời đại phong kiến suy tàn qua thể loại truyện thơ Nôm. Bộ phận truyện Nôm được viết bằng thể thơ lục bát chiếm phần chủ đạo trong toàn bộ sáng tác thuộc thể loại này, chính vì vậy nhiều khi người ta dùng khái niệm truyện Nôm để chỉ những tác phẩm truyện thơ viết dưới hình thức thơ lục bát.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển truyện Nôm

1.1.2.1. Những tiền đề lịch sử xã hội, văn hóa ảnh hưởng đến sự xuất hiện truyện Nôm

Truyện Nôm là thể loại văn học phát triển mạnh mẽ ở thế kỷ XVIII, XIX nhưng sự ra đời và phát triển của thể loại này có nguồn gốc sâu xa từ những thay đổi trong đời sống lịch sử xã hội, văn hóa từ những thế kỷ trước. Nói về quá trình hình thành của truyện Nôm cần nhìn lại tiến trình lịch sử Việt Nam từ khi chế độ phong kiến trên đà suy yếu, đó chính là những tiền đề lịch sử, xã hội cho sự ra đời của thể loại này.

Chế độ phong kiến Việt Nam trên đà phát triển đạt đến đỉnh cao hưng thịnh ở thế kỷ XV dưới thời Lê Thánh Tông. Nhưng con đường hưng rồi vong,

thịnh đến suy là quy luật tất yếu mà trước hay sau, sớm hay muộn thì mọi triều đại đều trải qua. Kiều Thu Hoạch đã nhận xét: *“Theo quy luật chung của các vương triều phong kiến, triều Lê sau một thời gian nắm chính quyền với những vàng hào quang chói lọi của thời thịnh trị, đã lại đi vào con đường suy thoái không thể cưỡng nổi. Triều đình từ vua là “đáng chí tôn” cho đến bộ máy quan lại gồm “các bậc cha mẹ dân” đều đua nhau ăn chơi sa đọa, ngày đêm miệt mài trong các cuộc truy hoan”* [13, tr.63]. Nhưng con đường suy vong sau ánh hào quang chói lọi của một thời đại huy hoàng trong lịch sử phong kiến đến rất nhanh. Ngay sau đó, khi vừa bước sang thế kỷ XVI, chế độ phong kiến từ vua chúa đến quan lại đi vào con đường ăn chơi hưởng lạc, tiêu biểu như “Vua Quý” Lê Uy Mục (1505 - 1509), “Vua Lợn” Lê Tương Dực (1510 - 1516)... Mặc dù chỉ ở ngôi trong một thời gian ngắn, nhưng những hệ quả mà những vị vua tàn ác, hoang dâm, thối nát ấy để lại cũng khiến cho lịch sử cho đến đời sau vẫn không thôi ngao ngán, kinh hoàng.

Lê Uy Mục, Lê Tương Dực chỉ mới là sự khởi đầu cho một chặng đường dài đen tối trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam kéo dài suốt mấy thế kỷ. Sự suy thoái của chế độ phong kiến ngày càng hiện hình rõ hơn, chế độ ấy bước qua thời vàng son nay đã đi vào ngõ cụt. Chế độ phong kiến mục nát kéo theo sự bần cùng, lầm than của đời sống nhân dân: *“Dưới sự thống trị của cái triều đình chuyên chế đồi bại đó, cùng với sự áp bức bóc lột của quan lại, cường hào địa phương, đời sống của người nông dân ngày càng bần cùng, khốn khổ. Lại thêm đói kém, mất mùa, hạn hán, lụt bão xảy ra luôn trong một số năm đầu thế kỷ XVI, làm cho đời sống nhân dân càng điêu đứng thêm”* [13, tr. 64]. Sự sa đọa của vua quan phong kiến, sự bóc lột thậm tệ của cường hào địa phương, lại thêm thiên tai, mất mùa khiến cho đời sống nhân dân khổ cực trăm bề. Và trước thực tế đó, sự bùng nổ của các cuộc đấu tranh, sự nổi dậy của quân chúng nhân dân chống lại triều đình phong kiến tất yếu xảy ra.

Từ đầu thế kỷ XVI, phong trào nông dân khởi nghĩa đã nổ ra khắp nơi. Sự nổi dậy của quần chúng nhân dân - không phải để chống giặc ngoại xâm mà chính là chống lại người đứng đầu của đất nước- càng đẩy nhanh chế độ phong

kiến trượt dài trên con đường suy thoái đến chỗ diệt vong. Nhưng mặt khác, chính sự nổi dậy chống lại nền tảng tư tưởng thống trị suốt mấy trăm năm ấy cũng đã chạm đến phần sâu xa nhất trong tư tưởng dân chủ, ý thức tự do của con người. Phong trào nông dân nổi lên như bão táp cũng góp phần “*thức tỉnh ở người nông dân ý thức dân chủ, tự do, tinh thần đấu tranh vì công bằng xã hội, đồng thời cũng làm cho họ ngày càng hiểu rõ hơn về vai trò và sứ mạng của mình trước lịch sử*” [13, tr.65].

Bên cạnh sự xung đột giữa nhân dân với chế độ phong kiến, thế kỷ XVI này cũng đánh dấu sự mâu thuẫn chính trong nội bộ giai cấp phong kiến. Các cuộc tranh giành ngôi vị, quyền lợi giữa các phe phái và tập đoàn phong kiến làm dấy lên những cuộc nội chiến, tiêu biểu là chiến tranh Nam - Bắc triều và chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Từ những năm 30 của thế kỷ XVI trở đi là những cuộc tranh giành không dứt. Sự phân tranh không có kết quả giữa các phe phái đã đưa đến kết cục đất nước chia làm hai nửa: Ở Đàng Ngoài, trên danh nghĩa vẫn là vua Lê đứng đầu nhưng thực chất mọi quyền hành thu tóm vào tay họ Trịnh; ở Đàng Trong, Nguyễn Hoàng sau khi vào Nam cũng tự xưng vương, lập triều đình riêng, nhân dân gọi là chúa Nguyễn. Đất nước chia làm hai miền, tạm thời ngừng các cuộc chiến tranh thì giai cấp phong kiến lại lao vào ăn chơi hưởng lạc. Tình cảnh đó khiến nhân dân cả hai miền đâu đâu cũng rơi vào cảnh lầm than cơ cực. Ở Đàng Ngoài, những cuộc khởi nghĩa nông dân bị chúa Trịnh đàn áp dã man. Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn ra sức bóc lột nhân dân với đủ thứ địa tô, thuế khóa nặng nề. Ngay cả đến việc thi cử, chức tước, quan lại đến thời kỳ này cũng đều được mua bằng tiền. Nhận xét về sự khủng hoảng ở thế kỷ XVII, “Việt sử thông giám cương mục” đã viết: “*Bên trong trái đạo đức, bên ngoài trái chính lệnh, giềng mối suy tàn, pháp lệnh không chấn chỉnh, quan lại hà khắc, những nhiễu...*” [13, tr.71]. Sự suy yếu của chế độ phong kiến đưa lịch sử dân tộc bước

vào một giai đoạn với ngoại xâm, nội chiến liên miên, tình hình chính trị rối ren, vua chúa và giai cấp phong kiến đi vào con đường ăn chơi hưởng lạc.

Trong suốt một giai đoạn dài, tình hình chính trị - xã hội không những không có sự khởi sắc mà còn tồi tệ hơn nhiều so với những thế kỷ trước. Chế độ phong kiến Việt Nam không tìm được lối thoát, càng lún sâu hơn vào sự khủng hoảng trầm trọng. Chính sự ăn chơi hưởng lạc, sự sa đọa đến cùng cực của toàn bộ chế độ phong kiến từ vua chúa đến quan lại ở những thế kỷ trước là tiền đề của phong trào nông dân khởi nghĩa phát triển rầm rộ khắp cả nước ở thế kỷ XVIII. Nền tảng tư tưởng, đạo đức của chế độ phong kiến bị những cuộc khởi nghĩa nông dân làm cho lung lay. Phong trào đấu tranh sôi nổi của nhân dân không chỉ là tiếng nói phản kháng đối với chế độ phong kiến mà còn có những giá trị tích cực đối với sự thay đổi tận gốc rễ trong tư tưởng nhân dân và được biểu hiện trong văn học. Đó là cơ sở cho sự nảy sinh và phát triển tư tưởng nhân văn trong các truyện Nôm... Những hình ảnh của cuộc đấu tranh sôi nổi của nhân dân chống lại chế độ phong kiến đã trở thành những nguyên mẫu cho sự phản ánh trong truyện Nôm. Có thể thấy rằng, *“Nội dung đấu tranh xã hội của cái thời “Lê tôn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong” đầy nhớ nhãng, hỗn loạn trong các thế kỷ XVI, XVII, XVIII, cũng chính là cái nội dung hiện thực được phản ánh trong nhiều truyện Nôm”* [13, tr.74]. Những nhân vật trong các truyện Nôm, đặc biệt là truyện Nôm bình dân như *Trang Vương, Lý Thông, Trương giả...* là sự phản ánh từ những nhân vật vua quan gian thần bạo ngược chính trong lịch sử giai đoạn này.

Thế kỷ XVIII, XIX đánh dấu sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến. Một thành trì vững chắc đã tồn tại suốt hàng nghìn năm đến đây đứng trước nguy cơ tan rã và sụp đổ. Nhân dân bị đè nén đến làm than cơ cực buộc phải vùng dậy đấu tranh khiến cho tình hình chính trị càng thêm phức tạp, rối ren. Nhưng một mặt, cuộc đấu tranh rộng lớn của quần chúng nhân dân cũng chứng

tỏ ý thức muốn chiếm lĩnh và làm chủ cuộc sống, trở thành động lực thúc đẩy kinh tế, văn hóa phát triển: *“những tư tưởng dân chủ, tiến bộ, chẳng hạn như tinh thần đấu tranh chống lại những lễ giáo phong kiến nghiệt ngã, cùng với tinh thần đấu tranh đòi tự do hôn nhân, đòi quyền sống cho người phụ nữ được biểu hiện trong các truyện Nôm, cũng chính là bắt nguồn từ nền tảng kinh tế - xã hội của thời đại lịch sử này”* [13, tr.77].

Song song với tình hình rối ren của đời sống chính trị, xã hội là sự khủng hoảng, bế tắc, suy vong ý thức hệ phong kiến. Quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam gắn liền với sự xác lập của ý thức hệ phong kiến, mà chủ yếu là ý thức hệ Nho giáo. Nho giáo vốn đề cao những mối quan hệ chặt chẽ, những khuôn phép trong đời sống xã hội. Những mối quan hệ xã hội vốn được xem là bất biến, thiêng liêng như tam cương, ngũ thường của Nho giáo đến đây không còn được đề cao. Những tư tưởng đó mặc dù vẫn được giai cấp phong kiến, chế độ phong kiến sử dụng như công cụ để thống trị xã hội nhưng không còn được như xưa, không còn đem lại những giá trị tích cực đối với đời sống xã hội. Hơn thế nữa, sự gò bó trong khuôn phép chặt hẹp ấy đã thôi thúc tư tưởng dân chủ, ý thức giải phóng con người từng bước nhen nhóm và phát triển. Những dấu ấn của sự khủng hoảng về ý thức hệ phong kiến đó đã in dấu rất đậm nét không chỉ trong đời sống xã hội mà cả trong văn học. Bên cạnh đó, luồng tư tưởng mới - tư tưởng nhân đạo, tinh thần dân chủ, ý thức cá nhân dần phát triển mạnh. Tất cả đều ảnh hưởng không nhỏ đến nội dung được phản ánh trong các truyện Nôm.

Hoàn cảnh lịch sử, xã hội có mối quan hệ chặt chẽ và chi phối sâu sắc đến tình hình văn hóa, văn học. Những thăng trầm của lịch sử dân tộc từ thế kỷ XVI, XVII, XVIII - giai đoạn chế độ phong kiến suy vong đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành cũng như nội dung tư tưởng của truyện Nôm. Bên cạnh điều kiện lịch sử - xã hội, cũng phải nói đến những đặc điểm của đời sống văn hóa - tư tưởng đã tác động mạnh mẽ đến những nội dung được phản ánh trong các truyện

Nôm. Khi chế độ phong kiến rơi vào khủng hoảng, nhà nước phong kiến đi vào suy vong thì tất yếu nền tảng tư tưởng của chế độ phong kiến - Nho giáo - cũng rơi vào bế tắc. Nho học được tôn sùng ở những thế kỷ trước thì đến giờ không còn là nền tảng tư tưởng, đạo đức tác động tích cực đến đời sống xã hội. Mặc dù, trên danh nghĩa, nhà nước phong kiến vẫn dùng Nho giáo để thống trị xã hội nhưng nó không còn là tư tưởng độc tôn. Những tư tưởng dân chủ, tiên bộ, đề cao và khẳng định con người, tư tưởng nhân dân... dần hình thành và chiếm lĩnh đời sống tư tưởng của xã hội. Nhìn chung, tư tưởng được đề cao trong giai đoạn này là phong cách thoải mái, khoáng đạt, tuy nôm na mộc mạc mà vẫn rung động lòng người vì nó đã chạm đến phần ý thức tự do, giải phóng con người.

Một nét quan trọng trong sự thay đổi quan niệm của giai đoạn này phải nói đến sự giải phóng đối với người phụ nữ. Nhân vật phụ nữ xuất hiện không chỉ trong văn học mà cả trong nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. Đó chính là biểu hiện của khát vọng nhân văn và tinh thần dân chủ vốn có trong văn hóa dân gian Việt Nam từ lâu đời nhưng lâu nay bị tư tưởng Nho giáo khắt khe đè nén, che lấp đến đây mới có dịp sống dậy và khẳng định mình. *“Và điều đó, cũng chứng tỏ tư tưởng “nam tôn nữ ty” trong hệ tư tưởng phong kiến đã bắt đầu bị băng hoại, bị phá sản. Sự hiện diện đa dạng và ồ ạt của nhân vật nữ trong nghệ thuật điêu khắc cũng như sự xuất hiện hàng loạt như những vai chính của các nhân vật nữ trong truyện Nôm chắc chắn là có cùng một nguyên nhân, một cơ sở kinh tế - xã hội, lịch sử - tư tưởng của thời đại này. Điều đó không còn nghi ngờ gì nữa”* [13, tr.82]. Đó cũng chính là tiền đề của những nội dung tư tưởng tiên bộ được phản ánh trong truyện Nôm.

Như vậy, sự xuất hiện của thể loại truyện Nôm là kết quả của những điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa nước ta trong những thế kỷ từ XVI, XVII, XVIII. Những dấu ấn trong đời sống xã hội, lịch sử, tư tưởng là cơ sở cho sự ra đời của thể loại truyện Nôm, đồng thời quy định những nội dung tư tưởng được phản ánh trong thể loại này.

1.1.2.2. Quá trình hình thành và phát triển truyện Nôm

Sự hình thành và phát triển của truyện Nôm đi liền với sự phát triển của tình hình văn hóa, văn học. Nếu như đời sống lịch sử, xã hội là nội dung hiện thực được phản ánh trong truyện Nôm thì tiền đề văn hóa, văn học chính là điều kiện hoàn thiện hình thức nghệ thuật của thể loại này. Chữ Nôm được hình thành từ thế kỷ XIII, nhưng những tác văn học được sáng tác bằng chữ Nôm có từ khoảng cuối thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XIV. Chữ Nôm dần hoàn thiện và được sử dụng phổ biến trong sáng tác văn học ở các thế kỷ XV. Đặc biệt dưới thời thịnh trị của chế độ phong kiến ở thế kỷ XV, vua Lê Thánh Tông là người rất đề cao và coi trọng chữ Nôm. Dưới thời Lê Thánh Tông, nền văn học chữ Nôm cũng phát triển rực rỡ. Ở những thế kỷ tiếp theo, chữ Nôm cũng được sử dụng phổ biến trong sáng tác văn học, khẳng định được vị trí. Sự hoàn thiện của chữ Nôm là một điều kiện quan trọng cho sự ra đời của những tác phẩm được viết bằng ngôn ngữ này thay cho sáng tác thơ văn bằng chữ Hán. Nếu như ở thế kỷ XV, văn học chữ Nôm phát triển nhưng về mặt thể loại còn đơn điệu thì sang đến thế kỷ XVI, XVII, sự đa dạng về mặt thể loại càng là điều kiện thúc đẩy văn học chữ Nôm phát triển mạnh hơn, càng tạo cho thứ ngôn ngữ này có điều kiện thể hiện khả năng truyền tải những vấn đề rộng lớn, sâu sắc của đời sống xã hội đương thời. Từ đây, việc dùng chữ Nôm để sáng tác văn học không còn xa lạ đối với đời sống văn học dân tộc, cả đối với người bình dân và các nho sĩ bác học. Thế kỷ XVI - XVII cũng đánh dấu sự hoàn thiện và phát triển của thể thơ lục bát. Điều kiện ấy thúc đẩy các sáng tác bằng thể loại này ra đời, trong đó có truyện Nôm. Có thể thấy trong kho tàng truyện Nôm, những tác phẩm viết theo thể thơ đường luật chiếm tỷ lệ nhỏ, và cũng không phải những tác phẩm xuất sắc. Bộ phận quan trọng và cũng là đỉnh cao của thể loại chính là những tác phẩm truyện Nôm viết dưới hình thức thơ lục bát đạt đến trình độ mẫu mực.

Truyện Nôm hình thành, phát triển gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của văn học Nôm nói riêng và của loại hình tự sự trong văn học Việt Nam nói chung. Vào giai đoạn đầu, truyện Nôm được hình thành bằng cách kể lại những cốt truyện dân gian (nhất là những câu truyện cổ tích) bằng văn xuôi. Sau đó dễ dãi thuộc, dễ nhớ, các nghệ sĩ dân gian bắt đầu diễn ca bằng những đoạn

văn vần. Những mẫu truyện dân gian được diễn ra ấy dần dần bổ sung các tình tiết để hoàn chỉnh cốt truyện và các đoạn thơ cũng dần được lắp ghép thành các chỉnh thể để truyện Nôm ra đời.

Quá trình hình thành và phát triển truyện thơ Nôm là một quá trình dần hoàn thiện về mặt thể loại, là quá trình tự chọn lọc, tự đấu tranh để xác lập cho mình hình thức biểu hiện phù hợp nhất. Ở giai đoạn đầu, truyện Nôm hình thành dựa trên việc kể lại những cốt truyện dân gian. Vào khoảng thế kỷ XV và cả thế kỷ XVI, XVII xuất hiện các tác phẩm truyện thơ Nôm được viết bằng thơ Đường luật. Đó là các truyện khuyết danh như: *Tô Công Phụng Sứ*, *Vương Tường*, *Lâm Tuyền Kỳ Ngộ*, *Tam quốc thi*.... Có thể xem đây là những thể nghiệm ban đầu trong bước chuyển từ thi ca chữ tình chủ quan sang thi ca tự sự khách quan.

Ở giai đoạn sau, người ta không sử dụng thể thơ Đường luật để sáng tác truyện Nôm mà dần chuyển sang hình thức thơ lục bát. Lục bát là thể thơ có cội nguồn từ văn học dân gian, bắt nguồn từ những bài ca dao, dân ca mượt mà, đầm thắm. Từ cội nguồn đó, thể thơ lục bát được sử dụng trong văn học viết là sự tiếp thu, kế thừa và hoàn thiện, đạt tới hình thức nghệ thuật mẫu mực, có khả năng biểu hiện những nội dung xã hội và tư tưởng rộng lớn được phản ánh trong truyện Nôm. Đến giai đoạn này, thơ lục bát đã phát triển đến độ hoàn chỉnh, ổn định về mặt hình thức, cấu trúc. Thể thơ này được vận dụng triệt để trong khoảng thời gian thế kỷ XVIII, XIX để sáng tác truyện Nôm, khẳng định một giai đoạn phát triển rực rỡ của thể loại truyện Nôm với những tác phẩm đạt đến đỉnh cao nghệ thuật của văn học cổ điển Việt Nam.

Trong quá trình hình thành và phát triển truyện Nôm, đặc biệt là truyện Nôm bình dân, sự ảnh hưởng của văn học dân gian là vô cùng quan trọng. Những tác phẩm truyện Nôm, đặc biệt là bộ phận truyện Nôm bình dân có sự gắn bó mật thiết với cội nguồn folklore văn xuôi. Truyện Nôm bình dân được viết dựa trên cơ sở của những truyện dân gian, tiêu biểu như những tác phẩm *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*... Như vậy, các câu chuyện dân

gian vừa là cội nguồn nội dung, vừa cung cấp nền tảng tinh thần dân gian truyền tải trong những sáng tác của thể loại này.

Khác với văn học dân gian lưu truyền bằng phương thức truyền miệng, chấp nhận những dị bản thì văn học viết - đặc biệt với một thể loại có dung lượng lớn như truyện Nôm - thì cần có những điều kiện để lưu truyền tác phẩm. Nói về tình hình kinh tế trong giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của truyện thơ Nôm phải kể đến sự phát triển của nghề làm giấy và nghề in. Chính những ngành nghề thủ công nghiệp này đã góp một phần quan trọng vào quá trình phát triển nói chung của thể loại, là tiền đề cho sự phổ biến, lưu truyền các tác phẩm truyện thơ Nôm nói riêng cũng như văn học, lịch sử... nói chung.

Phát triển đúng vào thời kỳ phong kiến suy thoái, thể loại văn học này đã phản ánh hiện thực đời sống xã hội đương thời với tất cả những mâu thuẫn, sự khủng hoảng về ý thức và cuộc đấu tranh quyết liệt của quần chúng. Vì lẽ đó chúng ta thấy: Con người trong truyện Nôm, dù bất hạnh đến mấy cũng vẫn khao khát hướng tới tư tưởng mới, hướng tới cuộc sống tốt đẹp, trọn vẹn. Đồng thời, nó kiên quyết chống lại những gì trái với đạo lý theo quan điểm tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa. Con người trong truyện Nôm bắt đầu có ý thức về bản thân và dần dần tiến đến sự nhận thức về “quyền con người”, mà trước hết là những quyền lợi mang tính tự nhiên (được tồn tại, được yêu đương, mưu cầu hạnh phúc...). Nhưng tiếc rằng phần lớn khát vọng chính đáng ấy không thể thực hiện được bởi xã hội đã được khép lại bằng một tấn bi kịch. Có lẽ vì thế mà chúng ta thấy, truyện Nôm nói riêng và cả văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX nói chung có nhiều tiếng thở dài nức nở hơn là tiếng reo cười.

Là một thể loại văn học, truyện Nôm luôn có sự gắn bó khăng khít giữa nội dung và hình thức. Những vấn đề day dứt của cuộc sống hiện thực, những bất công xã hội, những bài học răn đời... đều được thể hiện bằng những hình tượng, ngôn ngữ dễ hiểu, đại chúng, giản dị. Đặc biệt các nội dung trên hầu hết

được thể hiện qua thể thơ lục bát - thể thơ có nguồn gốc từ văn học dân gian (ca dao). Lối thơ vắt dòng trên 6 dưới 8 thoảng nghe tưởng như âm điệu bị lặp lại, song thực chất lại là thể thơ biến hóa, linh động, có khả năng tự sự và diễn đạt được mọi cung bậc, nhịp điệu của tình cảm, mọi chuyển biến trong tâm tư con người. Ở nhiều tác phẩm truyện Nôm bình dân cách gieo vần của thể thơ này chưa được hoàn chỉnh, nhiều khi còn ép vần, thô sơ.

Ví dụ:

Giàu sang cũng mặc chú thay

Có ngựa chú cười ai rày sợ chi

(Truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*)

Xuất hiện từ khoảng thế kỷ XVI, trải qua một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, truyện Nôm từng bước hoàn thiện cả về nội dung phản ánh và hình thức nghệ thuật, là một thể loại chiếm vị trí quan trọng trong văn học trung đại Việt Nam với những tác phẩm có giá trị nghệ thuật đặc sắc.

1.1.3. Phân loại truyện Nôm

Truyện Nôm là thể loại quan trọng của văn học cổ điển Việt Nam, đã được quan tâm nghiên cứu ở nhiều mặt, tương đối bao quát và hoàn chỉnh. Tuy nhiên với tính chất là một thể loại với dung lượng lớn, số lượng tác phẩm nhiều, có quá trình phát triển lâu dài nên sự thống nhất quan điểm trong nghiên cứu truyện Nôm không phải vấn đề dễ dàng. Về sự phân loại truyện Nôm cũng là khía cạnh có nhiều ý kiến khác nhau. Mặc dù mỗi quan điểm đều có mặt mạnh và mặt hạn chế nhất định, nhưng chúng tôi lựa chọn cách phân chia phổ biến hơn cả là sự phân chia truyện Nôm thành hai bộ phận là truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học.

Truyện Nôm bác học chủ yếu là những tác phẩm có tên tác giả, số lượng những truyện Nôm bác học khuyết danh rất ít. Đối tượng sáng tác của bộ phận truyện Nôm này là tầng lớp quý tộc, những người có trình độ học vấn cao. Chính đặc điểm của đối tượng sáng tác đã chi phối đến nội dung được phản ánh trong

tác phẩm cũng như đặc trưng về trình độ nghệ thuật: “*Nội dung của nó có nhiều mặt phong phú tiến bộ, đồng thời cũng ghi lại dấu vết đậm nét những mâu thuẫn và hạn chế trong thế giới quan và nhân sinh quan của tác giả, vốn là những người thuộc tầng lớp trên. Về nghệ thuật, một mặt thì những tác phẩm này được gia công chau chuốt nhiều, nhà thơ tỏ ra có một trình độ khá điêu luyện. Mặt khác, ở những mức khác nhau trong từng tác phẩm, nó lại có tình chất cầu kỳ, kiểu cách, như nhà thơ sử dụng nhiều chất liệu lấy trong thi ca Trung Quốc, nhiều từ ngữ Hán Việt, nhiều điển cố,...*” [13, tr.42].

Nếu như truyện Nôm bác học là sản phẩm sáng tạo của những trí thức phong kiến có học vấn uyên bác thì truyện Nôm bình dân lại là sản phẩm của tầng lớp trí thức bình dân. Họ có thể là những người cũng từng học đạo thánh hiền nhưng không đỗ đạt làm quan, đó có lẽ là những ông đồ làm nghề dạy học ở xã hội phong kiến Việt Nam xưa. Cũng như truyện Nôm bác học, đối tượng sáng tác của bộ phận truyện Nôm này đã chi phối đến đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm. Họ là những người từng học đạo Nho nên tư tưởng của họ cũng có mặt chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến. Mặt khác, vì không đỗ đạt, không làm quan, chưa đi sâu vào bộ máy quan lại phong kiến đương thời mà sống gần gũi với nhân dân nên tư tưởng của họ cơ bản vẫn cơ bản gần gũi với tư tưởng của người bình dân, có khi chính bản thân họ cũng là những người lao động. Đặc điểm đó đã chi phối đến sáng tác văn học của tầng lớp trí thức bình dân. “*Hình ảnh những anh hàn sĩ nghèo có phẩm chất tốt đẹp, sống một cuộc đời cơ cực, về sau được những người vợ hiền nuôi cho ăn học như Phạm Công, Tống Trân, Phạm Tải, ... có mang bóng dáng cuộc đời của bản thân tác giả...*” [13, tr.43]. Những câu chuyện, những số phận, cuộc đời nhân vật trong truyện Nôm bình dân cũng gần gũi với văn học dân gian. Tác phẩm thường được viết lại dựa theo cốt truyện cổ dân gian, chính vì vậy mà nhiều trường hợp, có những truyện cổ tích vẫn song song tồn tại cùng với truyện Nôm bình dân. “*Nói cách khác, đó là những truyện dân gian được các nho sĩ bình dân nhận thức lại trên*

bối cảnh thực tế của tình hình lịch sử xã hội nước ta giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX, và được diễn ca lại bằng thể thơ lục bát” [13, tr.43]. Chính sự ảnh hưởng giữa văn học dân gian và truyện Nôm bình dân đã dẫn đến những quan niệm cho rằng, bộ phận sáng tác này thuộc về văn học dân gian. Nhưng có thể nói, những truyện Nôm bình dân có mối quan hệ gần gũi giữa hai thể loại nhưng truyện Nôm bình dân vẫn thuộc về văn học viết, chỉ có điều chúng ta khó lòng xác định được tên tác giả của những sáng tác này.

Truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học là hai bộ phận hợp thành của thể loại truyện Nôm. Xét về mặt thành tựu, truyện Nôm bác học có những tác phẩm đạt đến trình độ nghệ thuật mẫu mực và xuất sắc, nhưng bộ phận truyện Nôm bình dân cũng có những đóng góp đáng kể vào thành tựu chung của thể loại. Có thể kể đến một số truyện Nôm bình dân tiêu biểu như: *Thạch Sanh, Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa...*

1.2. Thi pháp và thi pháp nhân vật

1.2.1. Thi pháp

Thi pháp là một thuật ngữ được nhiều nhà nghiên cứu văn học quan tâm, là một hướng khai thác quan trọng đối với tác phẩm văn học. Xung quanh thuật ngữ thi pháp, có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa thể tìm ra một định nghĩa chung thống nhất. Về cơ bản, có thể hiểu cốt lõi của vấn đề thi pháp qua một số định nghĩa tiêu biểu.

“Từ điển thuật ngữ văn học” của các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đưa ra định nghĩa: thi pháp là *“hệ thống các phương thức, phương tiện, thủ pháp biểu hiện đời sống bằng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học” [7, tr. 304].*

Nhà lý luận, nhà nghiên cứu thi pháp học hàng đầu Việt Nam Trần Đình Sử trong *“Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam”* đưa ra định nghĩa: *“Thi pháp là hệ thống các nguyên tắc nghệ thuật chi phối sự tạo thành của một hệ thống nghệ thuật với các đặc sắc của nó. Thi pháp không phải là nguyên tắc*

có trước, nằm bên ngoài, mà là nguyên tắc bên trong vốn có của sáng tạo nghệ thuật, hình thành cũng nghệ thuật” [47, tr. 4].

Thi pháp là một khái niệm có phạm trù rộng lớn và phức tạp. Về cơ bản, *“Thi pháp là hệ thống các nguyên tắc nghệ thuật chi phối sự tạo thành của một hệ thống nghệ thuật với các đặc sắc của nó. Thi pháp không phải là nguyên tắc có trước, nằm bên ngoài, mà là nguyên tắc bên trong, vốn có của sáng tạo nghệ thuật, hình thành cùng nghệ thuật” [47, tr. 4].*

Từ những định nghĩa tiêu biểu kể trên, có thể thấy thi pháp là một hệ thống nguyên tắc nghệ thuật quan trọng chi phối việc xây dựng hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học.

1.2.2. Thi pháp nhân vật

Trong mỗi tác phẩm văn học, nhà văn xây dựng, sáng tạo hình tượng nhân vật để khái quát quy luật về đời sống con người, đồng thời bộc lộ những quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Khi tìm hiểu nhân vật, cần phải xác định quan niệm nghệ thuật về con người của tác giả khi xây dựng hình tượng đó. Thi pháp nhân vật có thể hiểu là sự nghiên cứu nhân vật trên cơ sở tìm hiểu, khám phá quan niệm nghệ thuật về con người của tác giả. Quan niệm nghệ thuật về con người chính là sự cắt nghĩa, lý giải, sự cảm thấy con người đã được hóa thân thành các nguyên tắc, phương tiện, biện pháp cụ thể để thể hiện hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học.

Quan niệm nghệ thuật là nguyên tắc cắt nghĩa thế giới và con người vốn có của hình thức nghệ thuật, đảm bảo cho nó khả năng thể hiện đời sống với một chiều sâu nào đó. Quan niệm nghệ thuật về con người là sự lý giải, cắt nghĩa, sự cảm thấy con người đã được hóa thành các nguyên tắc, phương tiện, biện pháp thể hiện con người trong văn học, tạo nên giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cho các hình tượng nhân vật trong đó. Như vậy, quan niệm về nghệ thuật con người đòi hỏi chúng ta đi sâu khám phá tính sáng tạo của chủ thể. Đúng là chúng ta không thể gặp những nhân vật văn học như Thúy Kiều, Thạch Sanh... trong thực tế.

Song những nhân vật ấy chính là sự sáng tạo, là bằng chứng sống để tác giả Nguyễn Du và nghệ sĩ dân gian cắt nghĩa về cuộc đời khi nhìn nhận về cuộc sống, con người ở các khía cạnh khác nhau một cách nghệ thuật. Rõ ràng *“Vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người thực chất là vấn đề tính năng động của nghệ thuật trong việc phản ánh hiện thực, lý giải con người bằng các phương tiện nghệ thuật là vấn đề giới hạn, phạm vi chiếm lĩnh đời sống của một hệ thống nhân vật, là khả năng thâm nhập của nó vào các miền khác nhau của cuộc đời”* [45, tr.90].

Quan niệm nghệ thuật về con người biểu hiện trong toàn bộ cấu trúc của tác phẩm văn học, nhưng tập trung nhất có lẽ vẫn là ở các nhân vật. Nhân vật văn học chính là mô hình về con người của tác giả, là hình thức cơ bản để miêu tả con người trong văn học. Sự thể hiện nhân vật văn học bao giờ cũng nhằm khái quát một nội dung đời sống xã hội, một quan niệm nhân sinh sâu sắc, một cảm hứng tha thiết với cuộc đời. Chúng ta muốn khám phá sự cảm nhận về con người, thì cần khám phá quan niệm nghệ thuật về con người thể hiện trong hình thức miêu tả nhân vật, nghĩa là khám phá cách cảm nhận con người qua việc tìm hiểu xem nhà văn miêu tả nhân vật như thế nào. Chẳng hạn: Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* là bậc thầy khi thể hiện tâm lý nhân vật Thúy Kiều - một nhân vật cũng có khát khao, có dục vọng, khi thì thể hiện rõ qua ngôn ngữ, hành động, lúc lại qua những suy nghĩ, tâm trạng âm thầm, kín đáo... Như vậy, sẽ không thể thể hiện một cách đầy đủ những đổi thay trong nội dung phản ánh cũng như nghệ thuật biểu hiện của một hệ thống văn học, một quá trình văn học nếu không quan tâm đến vấn đề con người, đặc biệt là vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn. *“Bỏ qua quan niệm nghệ thuật về con người sẽ dẫn đến hiểu đơn giản bản chất phản của văn nghệ. Hoặc đồng nhất tư tưởng sáng tác với thế giới quan, hạ thấp yêu cầu sáng tạo tư tưởng - nghệ thuật thẩm mỹ của tác giả, cho rằng nhà văn chỉ có tâm hồn là đủ, là rút gọn tiêu chuẩn của tính chân thực vào một điểm là giống hay không giống so với đối tượng. Và như*

vậy, kết quả cũng xem nhẹ vai trò sáng tạo nghệ thuật của nhà văn” [45, tr. 90].

Khi tiếp cận hình tượng nhân vật, cần nghiên cứu nhân vật trên các phương diện từ ngoại hình, nội tâm, tính cách, ngôn ngữ, hành vi... Đó là những phương diện cơ bản để xác định hình tượng nhân vật, qua đó thấy được quan niệm nghệ thuật về con người của tác giả.

1.3. Nhân vật văn học và nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân

1.3.1. Nhân vật văn học

Các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong *Từ điển thuật ngữ văn học* đưa ra định nghĩa: “*Nhân vật văn học là con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học*” [7, tr.235]. Những con người này có thể được miêu tả tỉ mỉ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều hay ít đối với tác phẩm.

“*Văn học là nhân học*” (Goorki). Trong văn học, nhân vật chính là “*hình thức miêu tả con người một cách tập trung nhất*” [34, tr.26]. Hư cấu, sáng tạo ra nhân vật, nhà văn đã thực hiện nhiệm vụ khái quát hiện thực cuộc sống và thể hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của mình đối với cuộc sống ấy. “*Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ các cá thể con người trong tác phẩm văn học - cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ*” [48, tr.73]. Như vậy, nhân vật là những con người cụ thể được tác giả miêu tả trong tác phẩm. Sự miêu tả ấy mang tính ước lệ theo ý đồ chủ quan của nhà văn. Nhân vật không thể đồng nhất với những con người có thực trong đời sống thực tế, nó chỉ thể hiện chức năng khái quát tính cách con người và thể hiện quan niệm nghệ thuật, lý tưởng thẩm mỹ của nhà văn về cuộc sống. Từ đó, quan niệm nghệ thuật về con người có thể dẫn dắt độc giả vào các thế giới khác nhau của đời sống muôn màu, muôn vẻ ấy.

Xét về quan hệ tư tưởng, quan hệ đối với lí tưởng là tích cực (chính diện) hay tiêu cực (phản diện), có thể phân chia nhân vật trong tác phẩm văn học thành hai kiểu đối lập là nhân vật chính diện và nhân vật phản diện.

1.3.1.1. Nhân vật chính diện

Nhân vật chính diện, còn gọi là nhân vật tích cực, “là nhân vật thể hiện những giá trị tinh thần, những phẩm chất đẹp đẽ, những hành vi cao cả của con người được nhà văn miêu tả, khẳng định, đề cao trong tác phẩm theo một quan điểm, tư tưởng, một lý tưởng thẩm mỹ - xã hội nhất định... Nhân vật chính diện là một phạm trù lịch sử. Văn học thời nào cũng có những nhân vật chính diện thể hiện lý tưởng xã hội và lý tưởng thẩm mỹ của thời đại mình” [7, tr. 227]. Nhân vật chính diện trong tác phẩm văn học không đồng nhất với nhân vật ngoài đời sống nhưng là sự phản ánh lý tưởng xã hội, hiện thực đời sống trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Ví dụ, nhân vật Thạch Sanh là nhân vật chính diện tiêu biểu trong truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, phản ánh lý tưởng trong các truyện cổ tích: trong cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác, cái thiện nhất định giành chiến thắng.

1.3.1.2. Nhân vật phản diện

Trong tác phẩm văn học, đối lập với nhân vật chính diện về phương diện quan hệ tư tưởng, quan hệ với lý tưởng là nhân vật phản diện. Nhân vật phản diện hay còn gọi là nhân vật tiêu cực. Trong “Từ điển thuật ngữ văn học”, khái niệm *nhân vật phản diện* được hiểu là: “*Nhân vật văn học mang những phẩm chất xấu xa, trái với đạo lí và lí tưởng của con người, được nhà văn miêu tả trong tác phẩm với thái độ chế giễu, lên án, phủ định... Nhân vật phản diện trong văn học phong kiến lại thường là lũ nịnh thần, bọn tôi bất trung, bọn con bất hiếu, bất mục, ...*” [7, tr. 230-231].

Cũng giống như nhân vật chính diện, nhân vật phản diện cũng là một hiện tượng lịch sử nhưng xuất hiện muộn hơn so với nhân vật chính diện. Bởi vì khi xã hội xuất hiện mâu thuẫn đối kháng và con người có ý thức phản ánh mâu thuẫn trong thực tại xã hội, có sự đối lập giai cấp, tư tưởng thì mới xuất hiện

nhân vật phản diện trong văn học. Nhân vật phản diện trong tác phẩm văn học là những con người đi ngược lại lý tưởng thẩm mỹ và tư tưởng của từng thời đại. Ví dụ: nhân vật Lý Thông trong truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh* đại diện cho những con người xấu xa, độc ác, kiêu con người phản diện tiêu biểu trong đời sống, đi ngược lại với lý tưởng thẩm mỹ của thời đại.

1.3.2. Nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân

Các truyện Nôm bình dân trong đó có truyện *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* là những tác phẩm được các nho sĩ bình dân dựa trên cốt truyện dân gian để sáng tác. Đặc điểm nhân vật trong các truyện cổ tích dân gian là nhân vật phân theo loại hình: nhân vật tốt sẽ tốt từ đầu đến cuối, nhân vật xấu sẽ xấu từ đầu đến cuối tác phẩm. Tính cách nhân vật là sự thống nhất, nhất quán trong toàn bộ tác phẩm. Phân chia nhân vật chính diện hay phản diện là xét về quan hệ tư tưởng, quan hệ đối với lí tưởng là tích cực (chính diện) hay tiêu cực (phản diện).

Hệ thống nhân vật trong truyện Nôm bình dân tiêu biểu như *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* có thể phân chia thành hai tuyến đối lập: nhân vật phản diện trong tương quan đối lập với nhân vật chính diện. Hệ thống nhân vật phản diện trong các tác phẩm có thể xác định như sau:

Trong truyện *Thạch Sanh*: mẹ con Lý Thông, quân đội mười tám nước chư hầu, các loài yêu tinh: Trăn tinh (yêu tinh ở mặt đất), Đại bàng (yêu tinh trên trời), Hồ tinh (yêu tinh dưới nước).

Trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*: trưởng giả, đình trưởng, nhà vua.

Trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*: Trang Vương, Biện Điền.

Trong luận văn này, chúng tôi giới hạn nghiên cứu về hệ thống nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân tiêu biểu là *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*. Hệ thống nhân vật phản diện trong mỗi tác phẩm nằm trong tổng thể hệ thống nhân vật của tác phẩm thể hiện mối quan hệ đối kháng giữa các giai cấp, các tầng lớp, phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt giữa giai cấp phong kiến - những kẻ nắm quyền thống trị - với tầng lớp nhân dân lao

động trong xã hội phong kiến Việt Nam. Mặc dù lấy cốt truyện từ văn học dân gian nhưng nội dung đó phù hợp với việc phản ánh những nội dung của hiện thực xã hội đương thời. Nghiên cứu hệ thống nhân vật phản diện là một thao tác quan trọng để có cái nhìn toàn cảnh về bức tranh xã hội mà tác giả xây dựng trong tác phẩm.

1.4. Giới thiệu khái quát một số tác phẩm truyện Nôm bình dân

1.4.1. Truyện Thạch Sanh

Truyện Nôm *Thạch Sanh* (theo bản *Thạch Sanh tân truyện*) gồm 1812 câu thơ, được viết theo thể thơ lục bát. Nội dung truyện được tóm tắt như sau:

Ở quận Cao Bình có vợ chồng Thạch Nghĩa làm nghề đốn củi đốt than. Họ nghèo khổ nhưng sống rất nhân đức. Tuy nhiên, hai ông bà đã già mà vẫn chưa có con. Ngọc Hoàng thương tình cho Thái Tử xuống đầu thai. Thạch Sanh ra đời thì cha mất, đến năm 7 tuổi mẹ cũng qua đời. Thạch Sanh sống một mình dưới gốc cây đa, tự đốn củi để nuôi thân mình. Năm 13 tuổi, Thạch Sanh được ông tiên Lý Tinh xuống dạy võ nghệ và phép thuật.

Một hôm, Lý Thông (làm nghề nấu rượu) đi qua gốc đa. Thấy Thạch Sanh hiền lành, khỏe mạnh bèn ngỏ lời kết nghĩa anh em. Thạch Sanh đồng ý và sau đó về ở cùng mẹ con Lý Thông.

Trong vùng có một con Trăn Tinh hàng năm thường bắt người ăn thịt, người dân phải lập miếu thờ. Năm ấy đến lượt Lý Thông nộp mạng. Lý Thông nghĩ kế lừa Thạch Sanh đi nộp mạng cho Trăn Tinh thay mình. Thạch Sanh giết được Trăn Tinh nhưng Lý Thông muốn cướp công, hấn dọa là chàng đã giết vật báu của vua nuôi nên bảo Thạch Sanh trốn vào rừng còn hấn tranh công, được nhà vua phong làm đô đốc.

Bấy giờ có công chúa Quỳnh Nga con vua đang tuổi kén chồng. Nàng đang đi dạo vườn hồng thì bị Đại bàng tinh bắt đi mất. Thạch Sanh trông thấy đã bắn đại bàng, lần theo vết máu mà biết nơi trú ẩn của nó.

Nhà vua mất con gái, sai Lý Thông đi tìm. Lý Thông lại tìm Thạch Sanh, dỗ dành chàng giúp đỡ, Thạch Sanh bằng lòng. Nhưng khi cứu được công chúa rồi, Lý Thông vắn đá lấp kín cửa hang. Trong hang, Thạch Sanh phải đánh nhau với Mãng Xà Vương. Chàng giết được nó và cứu được Hoàng Tử con vua Thủy Tề. Hoàng Tử mời chàng về thăm thủy cung.

Tại đây, chàng được ban thưởng nhiều vàng bạc, châu báu. Chàng không nhận, chỉ xin cây đàn thần rồi trở về quê cũ.

Khi ấy ở triều đình, Lý Thông được thưởng rất hậu, lại được nhà vua hứa gả công chúa cho. Quỳnh Nga u uất nên hóa câm, thuốc thang mãi chẳng khỏi.

Thạch Sanh lại trở về sống bên gốc đa. Nhưng hồn Trăn Tinh và Đại Bàng vu oan cho chàng lấy trộm châu báu trong kho nên chàng bị vua bắt giam vào ngục tối. Trong ngục, chàng đem đàn ra gảy. Tiếng đàn giải bày tâm lòng Thạch Sanh và tố cáo âm mưu Lý Thông. Tiếng đàn ấy đã lọt vào tai công chúa. Nàng bỗng tươi nét mặt, xin vua cha mời Thạch Sanh đến để kể hết sự tình. Vua truyền lệnh bắt giam mẹ con Lý Thông giao cho Thạch Sanh trị tội. Chàng xin khoan dung cho mẹ con hẳn về quê, nhưng trên đường về Lý Thông bị Thiên Lô đánh chết hóa kiếp hẳn thành con bọ hung. Thạch Sanh sau đó được nhà vua cho kết duyên cùng công chúa.

Lúc này, mười tám nước chư hầu ghen tức vì không lấy được công chúa, nên kéo nhau vây đánh. Thạch Sanh đem đàn ra gảy. Tiếng đàn phân trần lẽ phải, trái, làm rung động quân sĩ, không đánh cũng tan. Vua tôi các nước quy hàng, xin lương ăn để rút quân. Thạch Sanh ban cho một niêu cơm nhỏ mà quân lính ăn mãi không hết.

Từ đó, Thạch Sanh được nhà vua nhường ngôi báu. Chàng sống cùng công chúa Quỳnh Nga trong cảnh đất nước thanh bình.

Truyện Nôm *Thạch Sanh* thể hiện niềm tin vững chắc của đạo lý dân gian: thiện thắng ác, chính thắng tà. Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập, người nghệ

sĩ bình dân mong muốn ước mơ của người dân được sống một cuộc sống hạnh phúc, bình dị thực hiện được trong tương lai.

1.4.2. Truyện Tống Trân - Cúc Hoa

Ở làng An Cầu, huyện Phù Hoa, có vợ chồng ông lão 60 tuổi mới sinh được một con trai, đặt tên là Tống Trân. Lên 8 tuổi, cha mất, hai mẹ con phải dắt nhau đi ăn mày.

Một hôm, hai mẹ con đến nhà Trưởng giả. Cúc Hoa đem lòng thương xót lấy gạo ra cho. Trưởng giả nổi giận bắt nàng phải lấy Tống Trân và đuổi đi. Từ đây Cúc Hoa vượt mọi gian khổ, nuôi mẹ chồng và chồng ăn học.

Tống Trân đến kỳ thi ứng thí rồi đậu Trạng nguyên. Vua ngỡ ý gả công chúa nhưng chàng từ chối. Công chúa thù ghét xui cha hại Trạng, bắt chàng đi sứ nước Tần mười năm. Đến nước Tần, Tống Trân phải bước vào cuộc đấu trí, thử tài dai dẳng. Chàng đã vượt qua nhiều cuộc thi tài rắc rối. Vua Tần khen ngợi, tỏ ý muốn gả công chúa Bạch Hoa cho Trạng nhưng Trạng vẫn khước từ. Vua nhờ Trạng xử mấy vụ án phức tạp (vụ gái giết chồng, vụ kiện ngành đa...) thì Trạng đều xử đoán tài tình nên uy danh càng lớn. Chàng được vua mến phục, phong lương quốc trạng nguyên.

Trong khi đó ở nhà, Trưởng giả đem lòng phản trắc, ép Cúc Hoa lấy người khác nhưng Cúc Hoa không chịu. Hắn bắt giam mẹ Tống Trân và đánh đập Cúc Hoa. Nàng lên núi gặp cọp chúa sơn lâm, bèn viết thư nhờ mang đến cho chồng. Trưởng giả lại cho người lũng bắt Cúc Hoa, rồi gả ngay nàng cho tên Đình trưởng. Đám cưới tổ chức linh đình.

Tống Trân nhận được thư vợ, đem tâu trình vua Tần. Chàng được vua cho về nước trước kỳ hạn. Chàng đem quân về nước, tạm đóng quân bên bờ sông, rồi cải trang làm người ăn mày vào đám cưới xin ăn. Bị mọi người trong đám đối xử tệ bạc, chàng quay về chỗ đóng quân, dẫn quân vây nhà Trưởng giả. Đám cưới tan vỡ, vợ chồng, mẹ con đoàn tụ, xum họp.

Công chúa Bạch Hoa vì thương nhớ Trạng nên theo tìm. Nàng gặp bão bị trôi dạt vào bờ, được Hươu Nai lấy quả nuôi dưỡng. Trạng đi săn Hươu lấy thuốc,

gặp Bạch Hoa, đưa công chúa về. Cúc Hoa vui lòng cho Tống Trân lấy thêm công chúa. Gia đình từ đó sống hoà thuận vui vẻ.

Truyện Nôm *Tống Trân - Cúc Hoa* là câu chuyện ca ngợi về tình yêu chung thủy tồn tại ngay trong hiện thực xã hội phong kiến xấu xa. Nghệ sĩ bình dân khéo léo thể hiện phẩm chất, trí tuệ, ý trí của nhân vật thiện (mang đậm tính chất dân dã), đồng thời tố cáo mạnh mẽ xã hội phong kiến mục ruỗng (qua việc miêu tả các nhân vật phản diện). Tác phẩm còn mang nhiều yếu tố thần kỳ song vẫn được nhân dân yêu mến vì nó đã thể hiện được ước mơ, khát vọng muôn đời của quần chúng nhân dân lao động.

1.4.3. Truyện Phạm Tải - Ngọc Hoa

Phạm Tải - Ngọc Hoa là một truyện Nôm khuyết danh xuất hiện vào thế kỷ XVIII. Tác phẩm phản ánh thực trạng đương thời và tinh thần đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng (mặc dù vẫn còn mang tính tự phát), đồng thời ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến. Nội dung chính của truyện có thể tóm tắt như sau:

Đời vua Trang Vương nhà Chu có nàng Ngọc Hoa xinh đẹp (con quan họ Trần), nhiều nơi giàu có đến hỏi (trong đó có Biện Điền), nhưng nàng không ưng thuận. Một hôm, có chàng Phạm Tải đến nhà họ Trần xin tiền ăn học. Ngọc Hoa động lòng yêu thương. Cha mẹ nàng hay tin, bèn tìm Phạm Tải cho kết duyên cùng Ngọc Hoa.

Biện Điền đem lòng ghen tức, bày âm mưu thâm độc giết Phạm Tải nhưng không thành. Hấn sai người tạc tượng Ngọc Hoa dâng lên vua Trang Vương hiếu sắc. Tên vua dâm dục, sai quân đi bắt Ngọc Hoa. Ngọc Hoa tự làm xấu mình đi để khỏi bị bắt vào cung, nhưng không được. Nàng buộc phải đi và xin cho Phạm Tải đi cùng.

Đến cung, tên vua thấy nàng tướng tiên giáng thế bèn ép nàng phải lấy hấn, Ngọc Hoa cự tuyệt. Trang Vương tìm cách mua chuộc Phạm Tải nhưng

chàng từ chối. Trang Vương tìm cách đầu độc giết Phạm Tải. Căm thù tên vua gian ác, Ngọc Hoa quyết không sống cùng Trang Vương. Nàng xin đưa xác chồng về quê để tang ba năm, sau đó sẽ quay trở lại hầu hạ vua. Đoạn tang, Trang Vương hí hửng sai quân về bắt Ngọc Hoa, nhưng nàng đã tự tử để bảo toàn lòng chung thủy với chồng.

Ngọc Hoa chết xuống âm phủ gặp Phạm Tải. Hai người đầu đơn kiện Trang Vương. Diêm Vương cho bắt Trang Vương bỏ vạc dầu sôi, cho Phạm Tải, Ngọc Hoa cải tử hoàn sinh và đoàn tụ ở dương trần. Từ đó, Phạm Tải thay Trang Vương trị vì ngôi báu.

*** *Tiểu kết chương 1:***

Trong chương 1, chúng tôi khái quát một số vấn đề lý luận chung là cơ sở cho việc nghiên cứu luận văn. Để triển khai luận văn ở các chương sau, chúng tôi làm rõ một số khái niệm như: khái niệm truyện Nôm, quá trình hình thành - phát triển và phân loại truyện Nôm; nhân vật và thi pháp nhân vật trong tác phẩm văn học; đồng thời khái quát vài nét về nội dung, nghệ thuật và xác định hệ thống nhân vật phản diện ở mỗi truyện Nôm bình dân tiêu biểu được nghiên cứu.

Qua những cơ sở lý luận chung được tìm hiểu ở chương 1, chúng tôi xác định những tiền đề, cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu một số khía cạnh thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân như *Thạch Sanh, Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa* ở các chương sau của luận văn.

Chương 2

XUẤT THÂN, NGOẠI HÌNH, TÂM LÝ VÀ NGÔN NGỮ CỦA NHÂN VẬT

2.1. Xuất thân và ngoại hình của nhân vật

2.1.1. Xuất thân

Mỗi truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* phản ánh một khía cạnh của bức tranh đời sống xã hội thời trung đại. Ở mỗi tác phẩm đó, xã hội được phản ánh là điển hình cho cuộc sống của những giai cấp, tầng lớp khác nhau. Trong bức tranh ấy luôn có mặt tốt và mặt xấu, người tốt và người xấu, nhân vật chính diện hay phản diện. Nói về hệ thống nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân, xuất thân của nhân vật là một yếu tố quan trọng làm cơ sở cho sự quy định hàng loạt các yếu tố về tính cách, ngôn ngữ, phẩm chất, hành vi, tâm lý... Mỗi truyện Nôm bình dân không đơn thuần chỉ là một tác phẩm văn học, mà còn là sự phản ánh một phương diện, một góc nhìn của cuộc sống xã hội thời phong kiến. Chính vì vậy, mọi yếu tố trong tác phẩm không phải là ngẫu nhiên mà đều là một sự sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của tác giả. Từ việc phản ánh nhân vật qua nguồn gốc xuất thân, tác giả truyện Nôm cũng muốn nêu tên, vạch trần những “nhân vật phản diện” mà họ muốn phê phán ở chính xã hội họ đang sống.

Trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*, câu chuyện tình yêu của hai nhân vật chính - Tống Trân và Cúc Hoa trải qua muôn vàn khó khăn, thử thách. Tình yêu của họ bị những lực lượng tiêu biểu đại diện cho quyền uy của chế độ phong kiến là *vua và cha* ra sức cản trở. Trưởng giả - cha Cúc Hoa là nhân vật phản diện điển hình, cũng là nhân vật hội tụ những cái xấu của tầng lớp địa chủ cường hào giàu có trong xã hội phong kiến. Gia đình trưởng giả giàu có nổi tiếng khắp một vùng:

Nghe tin trưởng giả gần đây
Cửa nhà phong phú đông tây tiếng đồn

Có thể nói, xuất thân, gia thế của tên trưởng giả đã chi phối sâu sắc đến tính cách, lối ứng xử của nhân vật này. Với tâm lý của một kẻ giàu có, hắn muốn biến con gái trở thành cầu nối để kết thân với những gia đình quyền thế vì lợi ích của mình. Trong suy nghĩ của lão, con gái lão phải được gả vào những gia đình giàu có để làm tăng thêm địa vị kinh tế. Tuy nhiên, hắn không ngờ khi thấy Cúc Hoa trò chuyện thân tình với một kẻ ăn xin nghèo đói như Tống Trân. Chính điều ấy đã chạm đến lòng tự trọng của lão, Cúc Hoa với hành động đó đã phạm đến danh giá nhà giàu của lão. Khi thấy Cúc Hoa yêu quý, trò chuyện cùng Tống Trân, hắn quát mắng và ép con gái mình lấy chàng mô côi nghèo khổ ấy. Sự ép duyên của tên trưởng giả là khởi đầu cho muôn vàn đắng cay, trắc trở trong cuộc hôn nhân của đôi trai gái. Trên hành trình đó, cũng không biết bao lần trưởng giả gây khó khăn, đày đọa con gái mình mà nguồn gốc sâu xa cũng từ tâm lý kهن kiêu của một kẻ có xuất thân, vị thế xã hội giàu có, bề trên chi phối. Rõ ràng, xuất thân của nhân vật là yếu tố đã chi phối đến đặc điểm tâm lý, từ đó hình thành những tính cách ác độc, hành động bạc ác, vô lương tâm của lão.

Cùng với trưởng giả, đình trưởng cũng là nhân vật phản diện trong truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa*. Cũng giống như trưởng giả, đình trưởng cũng thuộc tầng lớp giàu có của xã hội phong kiến. Hắn là đại diện của bộ phận quan lại địa phương mà sự giàu có ấy chắc chắn có được bằng con đường bóc lột, vơ vét từ nhân dân. Tác giả không giới thiệu cụ thể về nhân vật này, chỉ biết rằng đó là kẻ giàu có khiến cho trưởng giả tham lam muốn gả con gái lão để có thêm địa vị kinh tế. Khi muốn lấy Cúc Hoa, hắn cũng không ngần ngại bỏ ra nhiều tiền của để làm sinh lễ, điều mà những người bình thường không thể có được:

Đình trưởng trở về khi nay

*Mở ra một tráp vàng đầy nghìn hai
Bạc năm trăm nén không sai
Thêm cả vàng mười cân lấy chục cân
Lụa, là, vóc, nhiều, hồng vân
Mỗi thứ mỗi vẻ đủ ngân đem đi*

Truyện Nôm *Tống Trân - Cúc Hoa* phản ánh tình yêu chung thủy, nghĩa tình nhưng muôn vàn cách trở, gian nan của cặp trai tài gái sắc. Cùng với sự cản trở từ chính người cha của Cúc Hoa, cuộc hôn nhân ấy còn gặp phải những tai họa từ quyền uy tuyệt đối của vua chúa trong chế độ phong kiến. Khi một vị vua đứng đầu đất nước chỉ vì một cái “nhăn mày” của con gái có thể bất chấp lễ nghĩa, làm hại đến nhân tài quốc gia, đẩy chàng đi sứ nước Tần xa xôi mười năm. Một vị vua như vậy sao có thể coi là minh quân? Tất yếu, đó cũng là một nhân vật đáng bị phê phán trong tác phẩm.

Nếu truyện Nôm *Tống Trân - Cúc Hoa* phản ánh cuộc hôn nhân đầy trắc trở khi gặp sự cản trở từ những giềng mối của xã hội phong kiến: vua và cha - trong đó phần chủ yếu là cha - đại diện cho tầng lớp địa chủ, cường hào giàu, quan lại địa phương giàu có thì truyện Nôm *Phạm Tải - Ngọc Hoa* lại là câu chuyện tình yêu gặp phải muôn vàn đắng cay từ sự cản trở của những thế lực là vua chúa và quan lại trong triều đình phong kiến. Trang Vương là tên vua dưới thời đại nhà Chu, trị vì vào thời đất nước thái bình, thịnh trị:

*Khang cù kích nhượng đòi nơi
Mở Chu kỹ thấy có đời Trang Vương
Hội quân minh, họp thần lương
Trang Vương ngự trị bốn phương thái thuận*

Cùng với Trang Vương, Biện Điền - tên quan dưới triều đình Trang Vương - cũng là nhân vật bị phê phán trong tác phẩm. Hai nhân vật này đã hợp thành hệ

thống nhân vật phản diện là đại diện tiêu biểu cho những kẻ đứng đầu của bộ máy chính quyền trung ương thối nát, mục ruỗng dưới thời phong kiến.

Truyện Nôm *Thạch Sanh* xuất phát từ câu chuyện cổ tích có tính chất thần thoại. Toàn bộ tác phẩm là cuộc đấu tranh nhiều mặt của con người trước các lực lượng phản diện, phi nghĩa, từ cuộc đấu tranh với thế giới tự nhiên đến cuộc tranh đấu giữa con người với con người trong đời sống xã hội. Phản ánh cuộc đấu tranh sinh tồn của con người với các lực lượng phản diện ấy, tác giả truyện Nôm đã xây dựng hai tuyến nhân vật hoàn toàn đối lập: một bên chính nghĩa, tiêu biểu là nhân vật Thạch Sanh; một bên phi nghĩa, điển hình nhất là Lý Thông. Nếu truyện Nôm *Tống Trân - Cúc Hoa* chủ yếu phê phán những kẻ thuộc tầng lớp địa chủ, cường hào phong kiến ở địa phương, truyện Nôm *Phạm Tải - Ngọc Hoa* chủ yếu phê phán bọn vua quan phong kiến ở triều đình thì truyện *Thạch Sanh* lại phê phán bộ mặt xấu xa trong chính nhân dân, đại diện qua kiểu nhân vật con buôn - Lý Thông.

Bên cạnh đó, bởi xuất phát từ cốt truyện cổ tích dân gian nên truyện Nôm *Thạch Sanh* còn xuất hiện những nhân vật phản diện là các loài yêu tinh như Đại bàng, Trăn tinh, Hồ tinh đại diện cho lực lượng phá hoại ở ba cõi: mặt đất, trên không và dưới nước.

Trong hệ thống nhân vật phản diện trong truyện Nôm *Thạch Sanh*, nhân vật điển hình nhất, độc ác, mưu mô thâm hiểm nhất là Lý Thông. Lý Thông xuất thân là con buôn rượu, sống cùng người mẹ già:

*Làm nghề cất rượu sớm hôm
Nghĩ Dung từ mẫu hãy còn bình yên
Thơ đào chưa định lương duyên*

Xuất thân của nhân vật này là đặc điểm có vai trò máu chót, quy định nhiều phương diện quan trọng trong tính cách, phẩm chất, ngôn ngữ của nhân vật. Tính cách con người có thể là bản năng vốn có, cũng có thể ảnh hưởng từ nhiều yếu tố thuộc môi trường sống, nhưng đối với nhân vật này, chính xuất thân, nghề

nghiệp là một yếu tố quan trọng, chi phối sâu đậm đến việc định hình tính cách, tâm lý, hành vi.

Trong truyện *Thạch Sanh*, bên cạnh nhân vật phản diện điển hình nhất là Lý Thông, đại diện cho lực lượng phá hoại xã hội bị phê phán còn có những loài yêu quái, trước hết phải kể đến Trăn tinh. Trăn tinh vốn là loài rắn lớn sống lâu đã thành tinh, chuyên bắt người để ăn thịt:

Nó là rắn lớn hiện hình

Nhờ hơi nhật nguyệt thành tinh hại người

Trăn tinh sống lâu năm đã trở thành loài yêu tinh chuyên những nhiều khắp nơi, hại nhân dân trong vùng. Nhà vua nhiều lần cử người đi diệt trừ, nhưng Trăn tinh với phép thuật biến hóa khiến cho không một đạo sĩ nào trong vùng có thể diệt trừ được nó. Vì vậy, nhà vua đành phải thỏa thuận với yêu tinh, từ nay về sau sẽ cho xây dựng miếu thờ, mỗi năm cúng tế một mạng người cho Trăn tinh ăn thịt để nó khỏi hoành hành, sách nhiễu dân chúng. Cuộc sống cũng Trăn tinh vì thế được coi là đủ đầy, hàng năm được triều đình và nhân dân cúng tế:

Có lâu, có các, cung chương

Bạc vàng cũng đủ mọi đường hấn hoi

Mỗi năm phải nộp một người

Tháng ngày no đủ vui chơi bảo đình

Cùng với Trăn tinh, Đại bàng cũng là con vật đã thành tinh chuyên đi hại người. Nguồn gốc xuất thân của Đại bàng được giới thiệu:

Quê tôi chính thực ở rày động sơn

Thiên thành cao rộng một hang

Ra vào đài, các, cung, chương bời bời

Trong truyện *Thạch Sanh*, từ các tác giả văn học dân gian đến các tác giả truyện Nôm bình dân đều miêu tả cuộc đấu tranh nhiều mặt của con người, với các lực lượng áp bức, phá hoại ở mặt đất, trên không và dưới nước. Nếu Trăn

ting là loài yêu quái tượng trưng cho sự áp bức, phá hoại ở trên mặt đất; Đại bàng là loài yêu quái tượng trưng cho sự áp bức ở trên không thì Hồ tinh là loài yêu quái tượng trưng cho lực lượng áp bức ở dưới nước:

*Hồ tinh nó giống yêu linh
Vốn là chín mắt, lập đình ở đây*

Ba loài yêu tinh ở ba cõi tượng trưng cho những lực lượng phản diện hoành hành, sách nhiễu nhân dân. Đó là các nhân vật có tính chất tượng trưng, phản ánh cuộc đấu tranh sống còn của con người với tự nhiên để giành cho mình quyền sống. Cuộc đấu tranh ấy diễn ra trên mọi phương diện, ở cả ba cõi, đều là những cuộc tranh đấu gay go, quyết liệt. Nhưng cuối cùng, con người đã giành chiến thắng trong cuộc chiến đấu giành và bảo vệ cuộc sống của mình trước những thế lực phá hoại từ tự nhiên.

Cùng với đó, trong truyện Nôm *Thạch Sanh*, mặc dù không phải đối tượng trung tâm của sự phê phán nhưng vua tôi mười tám nước chư hầu cũng là đại diện cho những lực lượng phá hoại xã hội và ở phương diện đó cũng có thể xếp vào hệ thống nhân vật phản diện của tác phẩm.

Như vậy, mỗi truyện Nôm bình dân trên đây phản ánh một phương diện, một lát cắt của bức tranh đời sống xã hội thời trung đại. Trong bức tranh xã hội rộng lớn ấy, những nhân vật phản diện - những kẻ mà tác giả truyện Nôm nói riêng và nhân dân nói chung muốn phê phán - có thể thuộc mọi tầng lớp, giai cấp, địa vị xã hội khác nhau: từ vua chúa, quan lại của triều đình phong kiến trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, cường hào, địa chủ, những kẻ giàu có ở địa phương trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa* hay những kẻ làm nghề buôn bán trong truyện *Thạch Sanh*. Có thể nói, truyện Nôm bình dân xuất hiện vào giai đoạn chế độ phong kiến đã suy tàn, lung lay tất yếu là sự phản ánh những rạn nứt của chế độ xã hội đương thời, trong đó không thể không kể đến những tên vua xấu xa, thói nát, những tên quan lại đục khoét từ triều đình đến địa phương... Xuất thân của

nhân vật là phương diện quan trọng, là cơ sở cho sự quy định và hình thành tâm lý, tính cách, hành động, ngôn ngữ... của nhân vật trong tác phẩm.

2.1.2. Ngoại hình

Trong các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân – Cúc Hoa*, *Phạm Tải – Ngọc Hoa*, tác giả hầu như không miêu tả về ngoại hình mà chú trọng thể hiện nhân vật qua hành động, ngôn ngữ, tính cách. Tuy nhiên, nếu không miêu tả ngoại hình của *con người phản diện* trong các tác phẩm thì riêng ở truyện *Thạch Sanh*, đối với các *loài vật phản diện*, tác giả lại sơ lược miêu tả ngoại hình. Những loài vật thành tinh hại người cũng là những nhân vật đại diện cho cái ác, từ Trăn tinh, Đại Bàng đến Hồ tinh.

Loài yêu tinh hại người đầu tiên phải kể đến đó là Trăn tinh. Tác giả đã miêu tả:

Nó là rắn lớn hiện hình

...

Hiện hình nam tử bắt người về ăn

Những loài vật đã thành tinh không còn nguyên dạng trong hình hài ban đầu của nó. Từ một con trăn, khi thành Trăn tinh, nó thường đội lột dưới hình hài những người “nam tử” để những nhữn trong dân gian, tìm cách hại người, khiến cho nhà vua và nhân dân trong vùng phải lập miếu thờ, hàng năm cúng nạm một nam tử cho “Xà tinh súc miệng” để “dân thời bình an”.

Cùng với như Trăn tinh, những loài yêu tinh hại người đại diện cho các thế lực tự nhiên chống đối con người còn phải kể đến Đại Bàng tinh và Hồ tinh. Đại Bàng tinh đại diện cho lực lượng ở cõi trời, là loài yêu quái sống lâu đã thành tinh, chuyên đi hại người. Nó là loài yêu tính có phép thần thông, có thể biến ra “Tam đầu cửu vĩ”. Hồ tinh là loài đại diện cho lực lượng phản diện ở dưới nước, dưới hình hài mỹ nhân, tìm cách hại những người nam nhi. Diện mạo của Hồ tinh được tác giả miêu tả:

Hồ tinh giống nó uy linh

Vốn là chín mắt, lập đình ở đây

...

Hóa làm mỹ nữ ngày ngày đứng trông

Mày ngài, mắt phượng, lưng ong

Nói chung, các loài yêu tinh từ Trăn tinh, Đại Bàng, Hồ tinh đều là những loài vật đã sống lâu, thành tinh và hại người. Những nhiều trong nhân gian, những loài yêu quái đó đều hiện hình trong hình hài từ nam tử đến nữ nhi. Đó cũng là sự hóa thân điển hình của mẫu hình các loài yêu quái thành tinh trong truyện cổ dân gian nói chung.

2.2. Tâm lý nhân vật

Tâm lý nhân vật là những diễn biến cảm xúc, suy nghĩ bên trong của nhân vật trong tác phẩm văn học. Nhìn chung ở văn học phương Đông và văn học Việt Nam trung đại, các tác giả chú trọng khắc họa hành động nhiều hơn là tâm lý nhân vật. Trong các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* cũng vậy. Mặc dù nhân vật được khắc họa chủ yếu qua hành động nhưng tâm lý nhân vật cũng được các tác giả truyện Nôm miêu tả trên một số phương diện.

Ở truyện Nôm *Thạch Sanh*, trong hệ thống đông đảo các nhân vật phản diện, tâm lý nhân vật được khắc họa ở hai nhân vật là mẹ con Lý Thông. Cùng xuất thân làm nghề buôn rượu, cùng mang bản chất con buôn vụ lợi, toan tính cho lợi ích của bản thân mình. Khi nghe tin đến lượt Lý Thông nộp mạng cho Trăn tinh, tâm lý hoảng sợ bao trùm hai nhân vật:

Nghe thôi, bỏ gánh bỏ gồng

Vội về tổ hết đực trong con tường

Lý Thông bán rượu đầu làng

Vừa về đến cửa, bàng hoàng sợ thay

Là kẻ vị lợi, làm điều gì cũng vì lợi ích của bản thân nhưng mẹ con Lý Thông lại là những kẻ sợ hãi. Khi nghe tin đến lượt Lý Thông nộp mạng cho Trần tinh, mẹ con Lý Thông bàng hoàng, than khóc râm nhà:

*Lý Thông nghe nói, tuôn châu
Mẹ con lăn lóc cùng nhau râm nhà*

Mẹ con Lý Thông đều là những người vị lợi, vị kỷ, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà sẵn sàng chà đạp, làm điều độc ác hãm hại người vô tội. Mẹ con Lý Thông biết nghĩ đến cảnh gia đình mình chỉ có một người con trai, biết lo nghĩ đến mai sau không có người chăm nom phụng dưỡng tuổi già:

*Mẹ sinh cây có một cành
Lấy ai khuya sớm gia đình mai sau!*

Nhưng vì thế mà sẵn sàng hi sinh tính mạng của người khác, bày kế mưu hại Thạch Sanh. Sự độc ác, tàn nhẫn của mẹ con tên buôn rượu là ở chỗ không chỉ mưu hại Thạch Sanh, tìm người thế mạng cho mình mà lại lý giải cho sự tàn độc đó bằng chính điều bất hạnh của cuộc đời chàng trai nghèo mồ côi Thạch Sanh:

*Nó nay chỉ có một mình
Dù rằng sống thác cũng đành phận thôi*

Sự tàn độc, thâm hiểm, vị lợi của Lý Thông được hãn lý giải, biện minh bằng “lòng hiếu thảo” của mình đối với mẹ:

*Mẹ sinh con có một chồi
Nếu nay con thác mẹ thời cậy ai?*

Tính cách lợi dụng, vì lợi ích của mình mà bất chấp tất cả có lẽ là cơ sở, là tiền đề đưa Lý Thông lún sâu vào vô vàn tội ác. Khi đến lượt Lý Thông nộp mạng cho Trần tinh, tính cách vị lợi, sự mưu mô thâm hiểm lại càng bộc lộ rõ hơn:

*Ai ngờ họ Lý gian tà
Nghĩ ngay một kế phân qua mẹ tường
Mẹ ôi! Xin chớ lo lường
Con đà có kế, có phương thoát nàn*

*Mẹ đừng khóc lóc than van
Nữa mà tiết lộ khó toàn mưu con
Thạch Sanh còn ở trong non
Nó về mẹ để mặc con điều đình*

Bản tính mưu mô, thâm hiểm có lẽ là bản chất của con người Lý Thông. Bản tính đó khiến hẳn ngay trong lúc tâm lý hoảng loạn ấy đã nghĩ ngay đến việc đổ vấy mọi nguy hại ấy lên người kẻ khác. Nếu mẹ Lý Thông là người còn chút lòng thương hại đối với Thạch Sanh vì đã giúp gia đình “Buôn bán hưng thịnh liền liền/ Cho nên nay có bạc tiền hơn xưa” nên có chút lòng thương, cảm thấy mũi lòng khi nghe Lý Thông bày kế:

*Lý bà nghe nói tạm vui
Song e ở thế, sợ giờ không dung:
“Thạch Sanh nó cũng có công
Bấy lâu chăm việc hết lòng cùng ta
Tháng ngày hái củi đường xa
Dem về khó nhọc cho ta tiêu dùng”*

Nhưng dù được nghe mẹ phân trần, thấy mẹ rủ lòng thương với Thạch Sanh, cũng phân vì biết hành động của mình là độc ác, sợ bị trừng phạt, sợ “giờ không dung” nhưng Lý Thông vẫn hoàn toàn không thay đổi ý định độc ác của mình, cũng không run sợ bị quả báo, bị trừng phạt vì sự độc ác đó:

*Con rằng: “Thương nó không xong
Xưa nay lưỡng lợi khó trông được vào
Mẹ đừng suy nghĩ thấp cao
Nó không thể mạng con nào được yên?”*

Và biện minh cho sự ác độc của mình rằng đó là vì bắt buộc phải làm, được đằng này mất đằng kia, không thể cầu toàn mọi việc được. Nhưng sự lý giải đó không thể chấp nhận được, vì đâu thể mình mạng sống của mình mà hi

sinh mạng sống của người khác, vả lại cho rằng lấy việc cúng giỗ người đã chết để yên ổn, để bù lại những hành động độc ác của mình:

*Nó dù hồn có khôn thiêng
Thì con cũng giỗ cũng yên một bề*

Lý Thông làm gì cũng có tính toán trước sau. Muốn lừa Thạch Sanh đi canh miếu cho mình, đầu tiên hẳn lấy cớ đến ngày giỗ cha, muốn cảm ơn Thạch Sanh bấy lâu giúp đỡ gia đình buôn bán mà bày cơm rượu thịnh soạn để khiến Thạch Sanh cảm động, biết ơn, thấy được sự quan tâm ân cần của hẳn. Và đối với một chàng trai mồ côi như Thạch Sanh, việc có được sự quan tâm, chăm sóc ấy chắc hẳn khiến chàng biết ơn, cảm thấy mình mang ơn nhà họ Lý. Lợi dụng tâm lý ấy của Thạch Sanh, Lý Thông mới lấy cớ đang bận cất dờ mẻ rượu để nhờ Thạch Sanh đi canh miếu giúp. Một người vừa được đối đáp ân cần như vậy, nay hẳn chỉ nhờ một việc con con là đi canh miếu có gì Thạch Sanh lại chối từ? Mọi hành động của Lý Thông đều khôn ngoan, toan tính, rào trước đón sau để chắc chắn sẽ đạt được mục đích giao tiếp của hẳn. Tất nhiên, không quy kết đặc điểm nhân vật theo nguồn gốc xuất thân nhưng chính nghề con buôn ấy của Lý Thông đã chi phối rất sâu sắc đến mọi phương diện của nhân vật này.

Nhìn chung khi miêu tả tâm lý của mẹ con Lý Thông, nét tâm lý bao trùm nhất đó là tâm lý sợ sệt, lo lắng, bất an: lo lắng khi gặp khó khăn, tai họa (khi đến phiên Lý Thông nộp mình cho Trần tinh), lo lắng (và cả chút phân vân, do dự ở người mẹ Lý Thông) khi bày kế hãm hại Thạch Sanh, sợ sệt khi Thạch Sanh giết được Trần tinh mang đầu trở về trong đêm. Đó đều là tâm lý điển hình khi có những hành động, những việc làm bất nhân bất nghĩa. Với những hành động gian tà, độc ác mà mẹ con Lý Thông làm, những con người ấy luôn ở trong sự sợ sệt, lo lắng và thực sự cuối cùng đã bị trừng phạt thích đáng. Không chỉ là sự trừng phạt khi bị biến thành bọ hung mà chính đòn tâm lý ấy cũng là sự trừng phạt đối với những kẻ bất nhân bất nghĩa.

Trong truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa*, nguồn gốc xuất thân của nhân vật trưởng giả - kẻ giàu có tiếng tăm trong vùng - đã chi phối đến đặc điểm tâm lý của nhân vật, từ đó hình thành tính cách. Trưởng giả - tên đại địa chủ ấy mang trong người tất cả những tính xấu của giai cấp hắc. Đối với tên trưởng giả giàu có nổi tiếng một vùng ấy, hắc chỉ muốn dùng con gái làm cầu nối để tăng thêm sự giàu có và uy thế của bản thân. Đối với hắc, Cúc Hoa chỉ như là phương tiện kiếm lời, là công cụ để làm nên danh giá cho gia đình, là món hàng để hắc gả bán kiếm lời khi cần. Vì sự giàu sang của mình, hắc sẵn sàng chà đạp lên hạnh phúc của chính con gái. Khi thấy Cúc Hoa nói chuyện cùng Tống Trân khi chàng dắt mẹ đi ăn mỳ, trưởng giả không cần hỏi con gái mình đầu đuôi câu chuyện là gì mà lập tức thét mắng Cúc Hoa. Đối với lão, hạnh phúc của con gái không quan trọng bằng cái uy thế, địa vị, sự giàu sang của bản thân lão. Đó là tâm lý xuất phát từ sự tham lam khi muốn kết thân với những kẻ giàu có để lão đã giàu lại càng giàu hơn chi phối. Khi thấy con gái không thể trở thành công cụ cho mục đích của mình, trưởng giả sẵn sàng hi sinh cuộc đời Cúc Hoa, gả nàng cho một người ăn mỳ nghèo khổ mà không hề có sự thương xót với con. Quan hệ cha con mà lạnh lùng, dửng dưng, bạc bẽo hơn cả đối với người dung. “*Gọi là cha có lẽ chỉ ở chỗ con là phương tiện để làm nên danh giá cho nó, là món hàng để nó gả bán kiếm lợi khi cần, dù gả bán mấy lần cũng được. Gọi là cha có lẽ còn ở chỗ quyền hành tuyệt đối với con. Nghĩa là tên cha ấy biểu hiện rất đúng cái gọi là “đáng thần”, cái cương vị cha trong đạo đức nhà nho và quan hệ xã hội gia trưởng. Chả còn gì là nhân tình nhân nghĩa nữa. Gần đúng như một kẻ thù*” [38, tr.127]. Chính nguồn gốc xuất thân của nhân vật trưởng giả, gia thế giàu có đã chi phối sâu sắc đến đặc điểm tâm lý của nhân vật: “*Tâm lý thông thường của những kẻ giàu có, hắc muốn dùng con gái để bắc cầu với những nhà quyền thế đương thời, để làm tăng uy thế chính trị bản thân*” [38, tr.54]. Vì vậy, khi thấy Cúc Hoa yêu quý, trò chuyện cùng “tên ăn mỳ” Tống Trân, lão trưởng giả nổi giận đùng đùng thét mắng con gái:

*Con đâu nổi giận đùng đùng
Đòi ba con gái vào trong dạy lời:
“Sinh con mong sánh đôi nơi
Trao tơ phải lựa chọn người kết hôn
Thiếu gì chức trọng quyền môn
Hay đâu chẳng đẹp lòng son cánh bầy
Con nay mộ đĩa ăn mày
Thôi tao cũng gả cho mày tiếc chi”*

Việc Cúc Hoa nói chuyện với Tống Trân vô tình đã trở thành cái gai trong mắt lão phú ông. Vì là một gia đình quyền thế nên lão chỉ muốn con gái mình trở thành cầu nối cho lão kết thân với nhà gia đình quyền thế, giàu sang trong vùng. Sự cảm thông của Cúc Hoa dành cho Tống Trân khi thấy chàng ăn mỳ đói khổ đã vô tình chạm đến lòng tự trọng, thói kên kiệu của cha nàng. Lão bắt Cúc Hoa phải lấy Tống Trân bởi vì: *“đối với hấn, hành động của Cúc Hoa đã phạm đến uy thế của gia đình hấn. Dĩ nhiên là khi gả ép nàng Cúc Hoa lấy Tống Trân, hấn không hề công nhận Cúc Hoa là con cũng không công nhận Tống Trân là rể”* [38, tr.54].

Trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, Biện Điền vốn là tên quan vô lại của triều đình phong kiến Trang Vương. Ngay từ đầu tác phẩm, tác giả truyện Nôm đã giới thiệu hấn là “đưa thời danh” - xu thời, háo danh. Hấn đã từng hỏi cưới Ngọc Hoa nhưng không được nàng ưng thuận nên khi nghe tin nàng lấy chồng hấn sinh ra thù ghét, oán trách nàng. Hơn thế nữa, nàng Ngọc Hoa xinh đẹp mà hấn yêu thích lại từ chối hấn để lấy một người học trò nghèo khó, khiến nổi căm tức trong lòng hấn càng tăng thêm gấp bội:

*Thấy nàng lấy kẻ hàn nho
Biện Điền từ đấy oán thù Ngọc Hoa:*

*“Ta là danh giá con nhà
Chê ta lấy đũa khật khù bản nhân!
Tao làm cho Phạm lìa trần
Mới cam lòng dạ bỏ lần chê tao”*

Khi những kẻ Biện Điền sai đi giết Phạm Tải bị trận phong ba làm cho thất bại, hấn tức giận “trong lòng uất thay”. Chưa dừng lại ở đó, hấn tiếp tục bày mưu tính kế để hãm hại nàng Ngọc Hoa. Có thể nói, tâm lý của Biện Điền trong suốt tác phẩm là sự tức giận, uất ức, căm phẫn. Lần hiếm hoi tác giả miêu tả tâm lý hả hê của nhân vật cũng là khi hấn trả thù được Ngọc Hoa. Lúc nhà vua đòi Ngọc Hoa vào cung, Biện Điền được phong thưởng vì là kẻ “có lòng” với vua. Chỉ đến lúc này hấn mới “khấp khởi mừng” vì “Rạng mình và lại giải lao báo thù”.

Hành động trả thù nhỏ nhen, đê tiện của Biện Điền ấy vậy mà hấn gọi đó là “giải lao”. Sự trơ trẽn của nhân vật được đẩy lên đến cùng cực. Tâm lý trả thù nhỏ nhen ấy đã sinh ra oán thù và những hành động độc ác. Căn nguyên của tâm lý đó cũng chỉ vì hấn bị nàng Ngọc Hoa từ chối lời cầu hôn. Từ tâm lý oán thù đã khởi nguồn cho bao hành động độc ác khác, đẩy cuộc hôn nhân Phạm Tải - Ngọc Hoa vào bế tắc và kết thúc bằng cái chết đầy oan ức, đầy căm phẫn của cặp đôi tài tử - giai nhân.

Kẻ đứng đầu triều đình phong kiến là Trang Vương - tên vua chỉ biết đến ham mê sắc đẹp. Hấn sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để có được nàng Ngọc Hoa xinh đẹp, thậm chí đến việc phải đổi một nửa số mỹ nhân trong cung. Tên vua ấy bắt nhân ở chỗ coi rẻ, đối xử rẻ rúng với con người, coi con người như món đồ vật trao đi đổi lại vì mục đích riêng của hấn. Triều đình với vua và quan điển hình như Trang Vương và Biện Điền là bộ mặt đại diện cho sự thối nát của triều đình trong kiến.

2.3. Ngôn ngữ

Trong văn học, ngôn ngữ là một phương tiện nghệ thuật quan trọng để nhân vật bộc lộ và thể hiện tính cách, tâm lý. Ngôn ngữ đối thoại biểu hiện sự giao tiếp qua lại (thường là giữa hai phía) được chuyển đổi luân phiên giữa những người tham gia trong cuộc giao tiếp. Trong văn học trung đại Việt Nam, ngôn ngữ nhân vật chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại, phần ngôn ngữ độc thoại chiếm tỷ lệ ít hơn. Trong các truyện Nôm bình dân như *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* cũng vậy, tác giả chủ yếu để cho nhân vật đối thoại, từ đó bộc lộ tính cách, bản chất, tâm lý. Bên cạnh ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại cũng xuất hiện nhưng với một tỷ lệ hạn chế hơn, mờ nhạt hơn.

2.3.1. Ngôn ngữ đối thoại

Qua ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật chính diện và phản diện trong mỗi tác phẩm, bản chất của mỗi nhân vật phản diện càng hiện hình rõ nét. Ngôn ngữ tạo nên nét riêng cho từng nhân vật phản diện trong mỗi tác phẩm, đồng thời cũng là phương diện để tính cách, tâm lý, bản chất được thể hiện sâu sắc hơn.

Nhân vật Lý Thông là nhân vật phản diện điển hình nhất trong truyện Nôm *Thạch Sanh*. Đó là nhân vật hội tụ đủ những tính cách xấu xa, độc ác, gian trá, xảo quyệt. Con người Lý Thông vốn gian xảo, ranh ma, vụ lợi, thể hiện ngay từ việc hấn muốn kết nghĩa huynh đệ với Thạch Sanh khi thấy chàng có thể lợi dụng. Con người ấy vốn không có một chút nào là chân thành, chỉ luôn nghĩ đến lợi ích của bản thân mình là trên hết. Tác giả truyện Nôm đã miêu tả con người Lý Thông bằng những từ ngữ vừa lạ, vừa quen. “*Tung bưng và bả lả, chỉ hai từ, đã phác họa trước mắt ta một Lý Thông đang ở trong cảnh rất kịch, không thật bụng chút nào. Cái chất người không ngay thật - hay nói đúng hơn, là điêu trá*” [38, tr.105].

Bản chất con người của Lý Thông hiện lên không chỉ qua ngôn ngữ tác giả, mà hơn thế nữa, nhân vật hiện lên đầy đủ, toàn vẹn qua ngôn ngữ của bản thân chính nhân vật. Trong việc xây dựng hai hệ thống nhân vật đối lập chính diện và phản diện, tác giả truyện Nôm cũng rất chú ý đến sự đối lập trong đặc điểm ngôn ngữ nhân vật: “*Kể và tả về Lý Thông, tác giả thường cho hắn nói dài, nói nhiều hơn Thạch Sanh; còn kể và tả về Thạch Sanh, tác giả lại thường dừng lại các hành động của chàng, và nếu có nói, thì cũng thường là những thông báo ngắn gọn, rất ít dẫn dắt, lí sự*” [38, tr.106]. Đó là ý đồ nghệ thuật sâu sắc của tác giả truyện Nôm. Ngôn ngữ độc thoại là phần cốt yếu trong nghệ thuật xây dựng nhân vật Lý Thông. Tính cách, tâm lý của nhân vật được bộc lộ rất sâu sắc qua các cuộc đối thoại mà Lý Thông bao giờ cũng nói rất dài, nói rất nhiều. Ngôn ngữ đối thoại đã góp phần khắc họa bản chất gian xảo, bản chất con buôn của nhân vật. Có thể phân tích một vài cuộc đối thoại điển hình giữa hai nhân vật Lý Thông và Thạch Sanh để thấy rõ hơn điều đó.

Khi Lý Thông đến lượt nộp mạng cho Trần tình ăn thịt, bản chất gian tà của Lý Thông đã nghĩ ra kế viển vông ngày giỗ cha để làm com rượu thịnh soạn đãi Thạch Sanh:

*Lý Thông khi ấy tỏ bày:
“Hôm nay chính thực là ngày giỗ cha
Anh quên bảo em ở nhà
Cho nên em đến bây giờ mới hay
Vả, em khó nhọc bấy nay
Mẹ, anh dành để mâm này đã em”*

Sau đó mới ngỏ lời nhờ Thạch Sanh đi canh miếu giúp vì hắn bận cất mẻ rượu:

*Đoạn xong mới ngỏ một lời
Rằng: “Anh có việc em thời giúp anh”*

*Nhân nay có lệnh triều đình
Đến phiên anh phải đi canh miếu thờ
Để mà kiểm điểm xem qua
Đĩa vàng chén ngọc bây giờ đủ không
Để mà tâu với cửu trùng
Cho người yên dạ khỏi lòng hồ nghi
Lệnh vua ai dám diên trì
Nhẽ ra anh phải thân đi mới đành
Trót cất mẻ rượu công trình
Anh đi sợ hỏng việc anh ở nhà
Miếu thần, em khá thẳng qua
Tuần xong, em giờ về nhà mà thôi*

Qua hai lượt lời rất dài của Lý Thông để hẳn đạt được mục đích lừa Thạch Sanh đi canh miếu Trăn tinh giúp mình, tác giả truyện Nôm chỉ để Thạch Sanh nói rất ngắn gọn:

*Thạch Sanh tưởng thật đều khen:
“Mẹ cùng anh ở chu tuyền quá sao!
Có chi là chút công lao
Mà anh dạy thế, em nào dám vâng”*

Và ở lượt lời thứ hai của Lý Thông, Thạch Sanh còn chưa kịp đáp thì “Trát quan đã đến thúc đòi đi ngay”. Tác giả không để Thạch Sanh nói gì thêm mà miêu tả nhân vật với hành động cụ thể :

*Thạch Sanh nghe chẳng biết chi
Tưởng phiên canh thật, liền đi vội vàng*

Diễn biến câu chuyện không để Thạch Sanh có thời gian trả lời đề nghị của Lý Thông và có lẽ tác giả cũng không muốn để cho Thạch Sanh nói nhiều. Sự ngay thẳng, tài năng của Thạch Sanh được thể hiện qua hành động cụ thể, còn

sự gian xảo, biện bạch của Lý Thông mới cần đến những đoạn thơ rất dài để kê lể, trình bày mưu kế sao cho hợp tình hợp lý.

Đến khi Thạch Sanh giết được Trăn tinh, mang đầu trở về thì Lý Thông lại nghĩ ngay ra kế gian tà để lừa Thạch Sanh và tranh công:

*Lý Thông là đứa hiểm sâu
Dọa rằng: “Tội ấy chém đầu chẳng chơi
Xà tinh là của vua nuôi
Để làm báu nước sao ngươi giết xằng !”
Thạch Sanh nghe nói kinh hoàng
Lạy anh cùng mẹ mở đường hiếu sinh
Lý Thông rằng: “Muốn tốt lành
Ngươi mau trốn tránh điều đình mặc ta
Nếu không, vạ đến cả nhà
Bấy giờ thán hối lại là muộn thay!”
Thạch Sanh từ tạ đi ngay
Than thân trách phận chẳng hay nhiều bề*

Trong cả đoạn thơ kể lại việc Lý Thông lừa Thạch Sanh Trăn tinh là vật quý vua nuôi, giết nó là mang tội với vua để cướp công, từ đầu đến cuối đều là lời Lý Thông vừa dọa dẫm rồi “bày kế” cho Thạch Sanh “thoát nạn”. Còn Thạch Sanh trước sau không nói gì mà chỉ bày tỏ bằng thái độ “kinh hoàng” và hành động “từ tạ đi ngay”. Rõ ràng, trong mỗi cuộc đối thoại, Lý Thông luôn nói nhiều hơn, chiếm phần chủ đạo trong giao tiếp. Càng đối lập hai nhân vật này bao nhiêu, đặc biệt qua phương diện ngôn ngữ, càng làm rõ hơn tính cách, bản chất gian tà của Lý Thông.

Từ sự phân tích hai đoạn thơ rất điển hình ở trên, có thể thấy ngôn ngữ đối thoại của nhân vật phản diện Lý Thông là một phương tiện nghệ thuật tiêu biểu để bộc lộ tính cách nhân vật, thể hiện con người bên trong của nhân vật. Thống

kê các cuộc hội thoại giữa hai nhân vật Lý Thông và Thạch Sanh có trong toàn bộ tác phẩm, lời của Lý Thông chiếm 74 câu thơ còn lời của Thạch Sanh chỉ chiếm 48 câu thơ. Không chỉ ở hai đoạn thơ đã phân tích ở trên mà trong rất nhiều trường hợp, khi hai nhân vật gặp gỡ, có sự tương tác, quan hệ qua lại trong từng hoàn cảnh cụ thể, nếu như Thạch Sanh chỉ hành động mà không nói thì tác giả lại để cho Lý Thông nói rất nhiều. Phải chăng, khi con người ta ngay thẳng, làm việc quang minh chính đại thì chỉ hành động là đủ để thể hiện bản chất mà không cần nói quá nhiều. Còn đối với những người khuất tất, lươn lẹo, dối trá thì phải luôn dùng những đoạn đối thoại dài để biện minh cho bản thân mình. Hơn thế nữa, Thạch Sanh là nhân vật có tài năng hơn người nên tác giả chủ yếu khai thác nhân vật ở khía cạnh hành động. Còn Lý Thông vốn không có tài cán gì, vốn nghề con buôn rượu nên phải dùng lời lẽ khéo léo, trôi chảy để thuyết phục, dụ dỗ. Với từng nhân vật, gắn với hoàn cảnh xuất thân, tính cách, tài năng, tác giả lựa chọn một cách xây dựng riêng để làm rõ nhất bản chất, con người thật của nhân vật.

Trong truyện *Tổng Trân - Cúc Hoa*, lão trưởng giả là nhân vật phản diện điển hình nhất. Qua ngôn ngữ của hắn, đặc biệt là ngôn ngữ đối thoại với Cúc Hoa, bản chất tham lam, hám tiền hám của của lão càng hiện lên rõ nét.

Hoàn cảnh xuất thân giàu có đã khiến trưởng giả luôn có thái độ coi thường, khinh miệt đối với những người nghèo. Ngay từ cách trưởng giả hỏi Tổng Trân khi chàng đến ăn xin đã thể hiện bản tính ăn trên ngồi chốc, thái độ coi khinh của những kẻ nhà giàu đối với người nghèo khổ:

Roi song một cái cầm tay

Hỏi rằng: “Quê quán nhà mày ở đâu?”

Cửa nhà điền địa làm sao?

Thời mày phải nói tiêu dao gót đầu

Anh em thân thích nơi đâu?

Mẹ cha nghề nghiệp trước sau làm gì?”

Lão trưởng giả đưa ra hàng loạt câu hỏi liên tiếp, dồn dập bắt Tống Trân trả lời. Đây đâu phải là cách hỏi đối với một người xa lạ mà là lối tra hỏi, chất vấn thì đúng hơn. Và trong cuộc đối thoại ấy, trong tay vẫn lăm le “roi song một cái” như thể hiện sự đe dọa. Đây giống như cách chất vấn của quan tòa đối với người có tội, như cách tra khảo của kẻ có chức, có quyền, có tiền thường dùng đối với những người nghèo.

Nhân vật trưởng giả không chỉ được xây dựng với tính cách ăn trên ngồi trốc, coi thường người nghèo mà hắn còn hiện lên qua bản tính tham lam vô độ. Bản tính tham lam đúng là tính cách điển hình của lão trưởng giả giàu có. Vì sự giàu sang, hắn bỏ con gái, bỏ con rể. Trước khi Tống Trân lên đường đi thi, Cúc Hoa tìm đến người cha mong sự giúp đỡ để chàng có tiền làm lộ phí đi đường, nhưng trưởng giả lạnh lùng khước từ người con nghèo khó:

Chớ điều danh vọng dử trêu

Bảng vàng cũng mặc, võng điều cũng thây

Khi gả Cúc Hoa cho Tống Trân, lão trưởng giả có lẽ không còn coi Cúc Hoa là con mình vì nàng làm phạm đến danh giá của gia đình. Và tất nhiên, hắn cũng không coi Tống Trân là rể. Hắn trơ trẽn đến việc ngã giá cả với con, không một chút thương tình giúp đỡ khi Tống Trân lên đường đi thi. Nhưng đến khi nghe tin Tống Trân thi đậu tam khôi, tên chàng đứng đầu bảng vàng, lão lại ca ngợi con gái mình “Lấy chồng thế vậy ơn trời nên danh” rồi hăm hở, trân trọng nhận đó là con rể mình:

Chồng mà thi đỗ quan cao,

Bây giờ mới thật rể tao từ rày.

Hắn ngỏ lời thân thiết, tỏ tình thân với người con rể đỗ Trạng nguyên. Đê tiện hơn thế nữa, hắn còn khoe khoang nhờ ơn hắn ép duyên xưa kia mà giờ đây Cúc Hoa mới được hiển vinh nhờ chồng:

*Xưa kia cha chẳng trái tình
Cho nên con được hiển vinh muôn phần*

Sự dối trá, trá trở, lời biện luận xảo trá của trưởng giả khiến cho chính con gái lão cũng phải e sợ và thấy tủi thẹn, xót xa:

*Cha sao chẳng sợ quỷ thần xét soi
Cha xưa hắt hủi chúng tôi
Bây giờ chễm chệ lên ngôi sao nên*

Sự dối trá, đổi trắng thay đen trong chớp mắt của lão trưởng giả cũng chỉ vì lòng tham, vì danh vọng, vinh hoa phú quý mà tước vị Trạng nguyên đem lại. Khi hàn vi cơ cực, hấn sẵn sàng hắt hủi con gái, con rể; đến khi đỗ đạt thành danh lại đon đả nhận đó là con rể mình, lại kể công lão đã “se duyên” để con gái giờ đây được hiển vinh nhờ chồng. Sự trơ trẽn của lão trưởng giả không bút nào tả hết, đáng lên án hơn vì đó không phải chỉ là sự dối xử với người dung mà là dối xử với chính con gái mình.

Lão trưởng giả cứ tưởng được nương nhờ người con rể đỗ Trạng nguyên nhưng chẳng may chàng bị nhà vua cử đi sứ nước Tần mười năm vì làm phật lòng nàng công chúa. Khi Tống Trân không còn giá trị lợi dụng, không còn đem lại vinh hoa phú quý cho lão, trưởng giả tìm cách để ép Cúc Hoa lấy tên đình trưởng giàu có. Ngay trong cuộc bàn bạc của hấn với vợ đã thể hiện sự bất nhân ấy:

*Nửa đêm vắng vẻ gần xa
Gọi vợ thức dậy sự cần phải lo:
“Con ta gả chồng học trò
Hàn vi cơ khổ đã lo mấy hồi
Ngỡ là thi đậu tam khôi
Ở nhà vợ được hôm mai cậy cùng
Bây giờ sang sứ mười đông
Ấu là tìm kẻ tin dùng Cúc Hoa*

*Ngày sau có trở về già
Một mai có kẻ vào ra tở thấy
Chồng con đã thác lâu ngày
Con còn giữ tiết niêm tâm làm gì
Nghe cha định liệu một khi
Mai sau phú quý con thì được trông
Đại gì châu chực mười đông
Tội gì nuôi lấy mẹ không cho người?”*

Trong cuộc đối thoại, lão khuyển Cúc Hoa hãy nghĩ đến hạnh phúc của mình thì ít mà chú tâm đến lợi ích của bản thân hẳn thì nhiều. Tiền bạc, giàu sang là thước đo mọi giá trị đối với lão, mọi hành động của lão đều hướng đến mục đích làm giàu thêm cho bản thân. Lão bất chấp hạnh phúc của con cái, tìm mọi cách để cho mình đã giàu càng giàu thêm. Đối với hẳn, Cúc Hoa không được đối xử như một người con mà nàng chỉ như một thứ hàng hóa đổi chác vì mục đích làm giàu của lão.

Trong truyện *Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa*, hai nhân vật phản diện Trang Vương và Biện Điền tiêu biểu cho tầng lớp vua quan phong kiến thối nát, ăn chơi sa đọa, ham mê sắc đẹp. Trong cung cấm của tên vua háo sắc ấy đã có đến ba trăm mỹ nữ nhưng hẳn vẫn nhất quyết bắt nàng Ngọc Hoa vào cung. Lòng tham của tên vua ấy thật là không đáy! Nhưng đáng phê phán hơn, để thỏa mãn ham muốn của bản thân, hẳn sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn và coi con người như một thứ hàng hóa trao đi đổi lại. Khi Ngọc Hoa hỏi về lí do tại sao phải ép nàng vào cung khi trong cung cấm kia không thiếu gì mỹ nhân xinh đẹp, câu trả lời của Trang vương cho ta hiểu sâu sắc về bản chất của một tên vua bản thủ, xấu xa:

*Trang vương mới phán một khi:
“Đòi chàng Phạm Tải tức thì vào đây
Ta là thánh đế nước này*

*Nhẽ đâu ta bắt vợ mày là dân
Đồng vàng đổi lấy đồng cân
Ba trăm mỹ nữ cung tần chia đôi*

...

*Lại cho người đủ tước quyền
Trước thuận nhà nước sau yên cửa nhà”*

Hóa ra, vua không phải là người chăm lo cho nhân dân mà là người có quyền dùng mọi thủ đoạn, mọi cách thức để chà đạp lên hạnh phúc của nhân dân, ép buộc nhân dân phải phục tùng ý muốn vô lý của mình. Những mỹ nữ của nhà vua thì bị coi như một món hàng hóa để đổi chác, còn chức quan trong triều thì được đem “cho” để dẹp yên lòng bất mãn và che đậy sự xấu xa, bỉ ổi của nhà vua. Hình ảnh một triều đình thối nát, mục ruỗng từ quân đến thần được khắc họa đậm nét và sâu sắc qua hình ảnh Trang Vương và Biện Điền.

2.3.2. Ngôn ngữ độc thoại

Trong văn học trung đại nói chung, ngôn ngữ độc thoại chiếm tỷ lệ nhỏ so với ngôn ngữ đối thoại. Truyện Nôm bình dân cũng khắc họa, thể hiện hình tượng nhân vật chủ yếu qua ngôn ngữ đối thoại nhưng vẫn có sự xuất hiện, đan xen của một số ít ngôn ngữ độc thoại. Ở nhân vật Lý Thông trong truyện Nôm *Thạch Sanh*, có thể xem xét ngôn ngữ độc thoại trong một số hoàn cảnh cụ thể.

Khi công chúa Quỳnh Nga bị Đại bàng bắt đi, quần thần dâng kế cho nhà vua hãy để Lý Thông đi cứu công chúa vì nghĩ rằng hắn có tài năng hơn người, từng giết được Trăn tinh. Lệnh vua ban xuống, Lý Thông không thể không tuân nhưng trong lòng đầy lo lắng. Hắn từ than thở với chính mình:

*Biết đâu là quý, là yêu
Lệnh trên ban hỏi những điều hiểm sâu!
Biết rằng công chúa ở đâu
Mà đi tìm trước, kiếm sau bây giờ!
Một mình nghĩ ngợi bơ vơ*

Trước một hoàn cảnh khó khăn, khi bất lực chưa tìm ra kế sách gì để giải quyết, con người thường hướng vào trong nội tâm, băn khoăn tự hỏi lòng mình. Khi lệnh vua ban xuống bắt Lý Thông đi tìm và cứu công chúa, tự hẳn biết bản thân không có tài cán gì, sao có thể cứu được công chúa. Hơn thế nữa đây là lệnh vua ban, người cần giải cứu là công chúa, chỉ cần chút sơ suất nhỏ cũng có thể mất mạng như chơi. Trong hoàn cảnh ấy, mọi nỗi lo lắng được trút vào lời tự than với lòng mình. Ngôn ngữ độc thoại trong hoàn cảnh này thể hiện sự băn khoăn, lo lắng, bối rối của nhân vật trước một hoàn cảnh khó khăn mà bản thân không đủ khả năng tự mình giải quyết.

Trong tác phẩm, còn có thể tìm thấy ngôn ngữ độc thoại của nhân vật Lý Thông khi gặp hoàn cảnh Thạch Sanh bị bọn yêu tinh hãm hại, vu oan ăn cắp đồ quý trong kho của nhà vua. Khi Thạch Sanh bị bắt, Lý Thông đã có những phán đoán:

*Thông nghe biết tỏ chân tình
Chắc rằng hẳn chí Thạch Sanh đó rày
Nhân sao vào được mới hay
Khen cho phép tặc thằng này cũng ghê*

Đến khi vua giao cho Lý Thông xét xử vụ án, hẳn cũng độc thoại khi nghĩ ngợi, mưu tính để tìm ra cách xử lí phù hợp nhất có lợi cho mình:

*Lý Thông ngồi nghĩ một mình
Nếu mà tau sợ sự mình tỏ ra
Chẳng bằng khâm mệnh quốc gia
Chờ ba ngày nữa, đem ra xử tù*

Ngôn ngữ độc thoại trong truyện Nôm *Thạch Sanh* xuất hiện rất hạn chế, thưa thớt. Đối với nhân vật Lý Thông, chỉ khi nào nhân vật băn khoăn, lo lắng, bối rối trước một tình huống thì ngôn ngữ độc thoại mới xuất hiện. Ở mỗi lần đó, ngôn ngữ độc thoại đều thể hiện trạng thái phân vân của nhân vật khi đứng trước những hoàn cảnh phải lựa chọn cách thức hành động hay sự khó khăn mà nhân

vật hoàn toàn bất lực trong việc tìm ra hướng giải quyết. Mặc dù xuất hiện rất hạn chế nhưng ngôn ngữ độc thoại đã góp một phần quan trọng vào việc thể hiện tập trung hình tượng nghệ thuật của một nhân vật với bản chất gian tà, độc ác, tráo trở.

Trong các truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, tác giả không khắc họa hình tượng bằng ngôn ngữ độc thoại mà chỉ có ngôn ngữ đối thoại. Như vậy, có thể thấy sự xuất hiện của ngôn ngữ độc thoại trong truyện Nôm bình dân rất hạn chế, thưa thớt và cũng chưa có giá trị nghệ thuật thực sự xuất sắc. Những truyện Nôm bình dân này là những tác phẩm chủ yếu xây dựng hình con nhân vật là những con người hành động, vì vậy nhân vật hiện lên chủ yếu qua hành động và ngôn ngữ đối thoại mà ít có sự xuất hiện của ngôn ngữ độc thoại. Tuy nhiên, cần nhìn nhận trong tiến trình vận động và phát triển của thể loại, đây cũng là tiền đề bước đầu để ngôn ngữ độc thoại đạt được những đỉnh cao ở văn học giai đoạn sau.

*** *Tiểu kết chương 2:***

Từ những câu chuyện trong văn học dân gian, các tác giả văn học viết trung đại đã sáng tác các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* là điển hình cho cuộc sống của những giai cấp, tầng lớp khác nhau trong bức tranh đời sống xã hội thời trung đại. Trong bức tranh ấy, mỗi nhân vật phản diện được giới thiệu với xuất thân, diện mạo khác nhau. Trong truyện *Thạch Sanh*, hệ thống nhân vật phản diện khá đa dạng, thuộc nhiều kiểu nhân vật khác nhau, từ con buôn như mẹ con Lý Thông đến quân đội mười tám nước chư hầu hay các loài yêu tinh như Trăn tinh, Đại bàng, Hồ tinh. Trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*, điển hình nhất cho hệ thống các nhân vật phản diện là trưởng và đình trưởng- đại diện cho tầng lớp địa chủ và quan lại giàu có ở địa phương. Truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa* xây dựng hệ thống nhân vật phản diện với các nhân vật như Trang Vương và Biện Điền - đại diện cho tầng lớp vua và quan lại ở triều đình. Từ xuất thân đó chi phối

những đặc điểm bên ngoài của nhân vật như diện mạo, ngoại hình và các đặc điểm bên trong con người của nhân vật như tính cách, ngôn ngữ, phẩm chất, hành động...

Nguồn gốc xuất thân là yếu tố khởi đầu, chi phối các đặc điểm khác của nhân vật. Xuất thân cũng chi phối nhiều đến ngôn ngữ cũng như tâm lý, hành vi của các nhân vật phản diện. Ở chương 2 này, qua kết quả nghiên cứu, có thể nhận thấy tâm lý nhân vật mặc dù không được khắc họa đậm nét nhưng là một phương diện thể hiện bản chất, chiều sâu trong con người nhân vật. Tâm lý nhân vật có mối quan hệ mật thiết với xuất thân và hành vi của nhân vật trong tác phẩm.

Trong các truyện Nôm bình dân tiêu biểu, ngôn ngữ của các nhân vật phản diện, chúng tôi nhận thấy, các tác giả truyện Nôm bình dân chủ yếu khắc họa nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại. Trong ba tác phẩm truyện Nôm nghiên cứu, có thể thấy ngôn ngữ của Lý Thông là đặc sắc hơn cả, đồng thời đa dạng với cả ngôn ngữ đối thoại và một số ít ngôn ngữ độc thoại. Những đặc điểm ngôn ngữ này góp phần khắc họa tính cách, bản chất của mỗi nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân.

Những đặc điểm về nguồn gốc xuất thân, ngoại hình, tâm lý và ngôn ngữ của nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* đã phần nào giúp cho người đọc có sự hình dung về con người nhân vật. Để làm rõ hơn bức chân dung của loại nhân vật này, chúng tôi sẽ tiếp tục khai thác các phương diện thi pháp xây dựng nhân vật phản diện cơ bản khác trong chương 3 của đề tài.

Chương 3

TÍNH CÁCH VÀ HÀNH VI CỦA NHÂN VẬT

3.1. Tính cách nhân vật

Tính cách nhân vật là một trong những đặc điểm cơ bản để phân chia nhân vật trong tác phẩm văn học thành nhân vật chính diện hay phản diện. Có thể hiểu tính cách là đặc điểm về nội tâm của mỗi con người, ảnh hưởng trực tiếp đến suy nghĩ, lời nói và hành động của người đó. Tâm lý học định nghĩa tính cách là một thuộc tính tâm lý phức tạp, bao gồm một hệ thống thái độ và hành vi quen thuộc của cá nhân đối với hiện thực.

Tính cách là một phương diện quan trọng để nhân vật bộc lộ bản chất. Nét tính cách chung nhất của các nhân vật phản diện nghiên cứu chính là ở đặc trưng “phản diện” của hệ thống nhân vật này. Cùng với nét chung là sự độc ác, xấu xa đó, mỗi nhân vật phản diện này cũng có những tính cách riêng biệt. Chúng tôi tập trung vào nét riêng biệt trong sự xấu xa chung ấy để phác họa hình tượng các nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân.

Truyện Nôm *Thạch Sanh* xây dựng một hệ thống nhân vật phản diện đông đảo, không chỉ đại diện cho con người mà còn đại diện cho các lực lượng phá hoại từ tự nhiên như các loài yêu tinh Trăn tinh, Đại Bàng tinh, Hồ tinh.

Tính cách nhân vật Lý Thông điển hình là tính vụ lợi của làm nghề con buôn. Từ tính vụ lợi ấy dẫn đến những tính cách khác như sự gian xảo, độc ác, vô ơn bội nghĩa, bạc ác.

Dưới con mắt của một con buôn, Lý Thông luôn nhìn thấy cái có lợi, cái có giá trị lợi dụng cho mình. Một lần đi ngang qua gốc đa nơi Thạch Sanh sống, khi nhìn thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, hiền lành, chất phác nhưng lại mồ côi cha mẹ, sống một mình dưới gốc đa, hắn đã nghĩ ngay sức khỏe và bản tính hiền lành ấy có thể lợi dụng. Hắn đơn đả muốn cùng Thạch Sanh kết nghĩa huynh đệ:

Tạm dừng hóng mát giải lao

Nhác trông họ Thạch anh hào uy phong

Chắc rằng là kẻ ích dùng

Cho nên muốn kết bạn cùng anh em

Trên danh nghĩa kết nghĩa huynh đệ nhưng Lý Thông không coi đó là người anh em mà chỉ là một công cụ lao động, công cụ bóc lột không hơn không kém. Và mẹ Lý Thông cũng không khác gì con trai mình ở tính cách vị lợi, bản tính con buôn ấy. Khi thấy con mình đưa Thạch Sanh về nhà, bà bằng lòng để Thạch Sanh ở lại cũng vì nghe Lý Thông nói đó là người có thể giúp ích cho mình “Có người có việc, mẹ hầu lo chi”. Nghe đến vậy, mẹ Lý Thông ưng ý tức thì vì thấy điều có lợi cho mình.

Vì mưu mô lừa Thạch Sanh thế mạng cho mình, mẹ con Lý Thông đơn đả, trở thành một người hoàn toàn khác, quan tâm theo cách giả dối:

Cỗ bàn nấu nướng ê hề dọn ra

Thạch Sanh gánh củi về nhà

Thấy có cơm rượu bày ra sẵn sàng

Mẹ con họ Lý vội vàng

Gọi Thạch Sanh kíp lên giường ngồi ăn

Mẹ con mời mọc ân cần

Xem ra quý trọng muôn phần hơn xưa

Vì muốn lừa Thạch Sanh mà mẹ con Lý Thông không trừ thủ đoạn gì, không trừ lý do gì. Mẹ con hẳn có thể dối cả ngày giỗ cha để hợp lý hóa cho sự quan tâm bất thường đối với Thạch Sanh.

Lý Thông khi ấy tỏ bày:

“Hôm nay chính thực là ngày giỗ cha

Anh quên bảo em ở nhà

Cho nên em đến bây giờ mới hay

Vả, em khó nhọc bấy nay

Mẹ, anh dành để mâm này đã em”

Thạch Sanh là người đã giúp cho việc buôn bán của họ Lý hưng thịnh hơn xưa rất nhiều nhưng trong con mắt của mẹ con nhà buôn rượu, họ chỉ coi đó là một người để lợi dụng, thậm chí là một con tốt thí mạng trong tình huống nguy hiểm. Chỉ bằng hành động chuẩn bị mâm cao cỗ đầy để lừa Thạch Sanh thay mình nộp mạng, Lý Thông đã tỏ hết cái “tử tế” của con buôn.

Những người làm việc bất nhân, mờ ám, hãm hại người khác thì luôn trong tâm lý bất an, lo sợ, thoảng thoắt giật mình. Sau khi Thạch Sanh giết được Trăn tinh, vui mừng đem đầu trở về báo cho mẹ con Lý Thông biết tin, mẹ con kẻ gian dối phách lạc hồn bay:

*Mẹ con Lý thị hồn bay
Chắc rằng nó chết về đây trách mình
Khôn thiêng em hỏi Thạch Sanh
Việc này xin chớ oán anh vô nghi
Oan hồn xin hãy tạm đi
Ngày mai xôi thịt ta thì cúng cho
Vàng hương tống tiễn đủ đồ
Sống sao thác vậy chớ lo chi mà*

Nếu không phải Thạch Sanh là Thái tử con trai Ngọc Hoàng, có được tài năng, phép thuật khác người phạm trần do được thần Lý Tĩnh dạy thì chắc chắn đã bị Trăn tinh ăn thịt, sao có thể sống sót trở về trước mưu mô thâm hiểm của mẹ con họ Lý. Sự ác độc của Lý Thông không chỉ một lần mà nhiều lần sau Lý Thông vẫn bày mưu tính kế, hãm hại và tranh công của Thạch Sanh. Khi nhà vua ra lệnh cho Lý Thông đi tìm công chúa, hấn mở hội để tìm Thạch Sanh, rồi lại giở tình xưa nghĩa cũ và sự hứa hẹn “tước lộc hưởng chung” để van nài Thạch Sanh giúp đỡ. Ấy vậy mà khi Thạch Sanh vừa mới cứu được công chúa lên khỏi hang sâu, hấn lại ngay lập tức lấp cửa hang, nhốt Thạch Sanh dưới hang sâu bịt bùng đầy rẫy hiểm nguy. Lần khác, khi Thạch Sanh bị bọn yêu tinh vu oan lấy trộm đồ quý trong kho của nhà vua, Lý Thông không những không minh oan

giúp mà còn nhân đó mượn danh nghĩa luật pháp triều đình xét xử để giết Thạch Sanh, nhằm “nhỏ cỏ tận gốc”. Tính cách từ vụ lợi đến độc ác, vô ơn bội nghĩa đã khiến Lý Thông cuối cùng phải trả giá:

*Mẹ con về đến giữa đường
Thiên lôi ngũ bộ đánh liền cả hai*

Hồn hai mẹ con Thạch Sanh sau khi chết bị bắt hóa kiếp làm bọ hung để trả giá cho những tội ác của chúng khi còn sống. Cách kết thúc truyện ấy cũng là minh chứng cho những tội ác không thể dung tha của những kẻ chuyên đi tìm cách hại người.

Tính cách nhóm nhân vật các loài yêu tinh điển hình nhất ở sự gian xảo, biến hóa, đội lốt dưới một hình hài khác để hại người. Trăn tinh là rắn lớn núp dưới hình hài nam tử hại người, còn Hồ tinh thì trong hình hài mỹ nhân với “*Mày ngài, mắt phượng, lưng ong*”. Chúng cùng bại dưới tay Thạch Sanh, đến khi vô tình những loài yêu tinh cùng hội ngộ, biết được kẻ thù chung của mình, hẳn bày mưu tính kế hãm hại Thạch Sanh:

*Việc làm nào có khó gì
Biến vào kho nội trộm thì của vua
Chạy ra rồi lại chạy vô
Để quân canh biết truy hô ngày rày*

Những loài yêu tinh cùng bị đánh bại dưới tay Thạch Sanh, khi gặp gỡ nhau cũng bàn mưu tính kế để trả thù kẻ đã đánh bại mình.

Trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*, nhân vật phản diện điển hình nhất là trưởng giả. Điều đáng nói ở đây là sự độc ác ấy không phải đối với những người xa lạ mà ngay là đối với con gái mình - Cúc Hoa. Cúc Hoa vốn sinh ra trong gia đình giàu có, nay phải gả cho Tống Trân - một người hai bàn tay trắng sống cùng với người mẹ đã già, cuộc sống của nàng muôn vàn khổ cực. Nàng phải đem số vàng mình có bán đi, nhưng không phải bán cho ai khác mà chính là bán cho cha mình. Lão không những không giúp con gái trong lúc nghèo khó mà với bản tính tham lam, lão phú ông giàu có vẫn ngã giá ngay cả với con gái mình:

... Cúc Hoa bán vàng

Bán cho trưởng giả giàu sang hơn người

Hai bên giá cả hẫng hoi

Bắc cân định giá được ngoài tám mươi

Thái độ của trưởng giả bị lòng tham hoàn toàn chi phối, vì lòng tham mà không còn chút tình nghĩa ngay cả giữa cha con. Gọi trưởng giả là cha có lẽ chỉ ở chỗ thể hiện quyền hành tuyệt đối đối với con chứ không hề có một chút tình thương, đạo lý và nhân nghĩa con người. Sự độc ác ấy, vô nhân tính ấy đến những người xa lạ còn phải run sợ, nói chi là cha đối với con.

Không chỉ độc ác, trưởng giả còn là kẻ tham lam vô độ. Gia thế giàu có nhưng điều đó chưa đủ với mong muốn của trưởng giả, hẳn muốn mình đã giàu càng giàu thêm. Để làm giàu cho mình, con gái chính là công cụ, là phương tiện để hẳn gia tăng sự giàu có. Khi ép Cúc Hoa lấy Tống Trân, lúc Tống Trân nghèo khó thì hẳn không coi đó là con rể, và có lẽ cũng chẳng còn coi Cúc Hoa là con gái. Nhưng khi thấy Tống Trân đỗ Trạng nguyên trở về, hẳn lại đơn đả nhận đó là rể hiền nhằm hưởng lợi từ vinh hoa ấy. Đến khi thấy Tống Trân phải đi sứ mười năm, hẳn lại ép Cúc Hoa lấy tên đình trưởng giả giàu có, mục đích cũng chỉ nhằm kiếm lợi, làm giàu cho mình.

Lão trưởng giả bày tiệc linh đình “*Trước là mở tiệc làm vui/ Sau là mừng rể được người giàu sang*” nhưng khi Tống Trân hỏi đến, hẳn lại lấp liếm:

Trưởng giả bước xuống liền quỳ:

“Sự tình bày giải quan thì rõ hay

Khốn vì con ma nhà này

Nó làm điên đảo mời thầy thuốc thang

Giải trừ ma đã được an

Cỗ bàn yến ẩm giao hoan ăn mừng

Sự tình kẻ hết tưng bừng

Để cho quan Trạng biết chừng nhà ta

Trưởng giả trong truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa* không chỉ tham lam, độc ác mà còn trá trở, nguy hiểm cho hành động của hắn. Từ đầu đến cuối, mọi hành động của lão trưởng giả cũng chỉ nhằm mục đích làm giàu vì thói tham lam vô độ. Và trong “hành trình làm giàu” ấy, lão không từ bất kì thủ đoạn nào, từ việc hành hạ con gái, bắt giam và đánh đập nàng trong phòng đến việc nhốt mẹ Tống Trân ở chuồng trâu. Sự độc ác ấy không thể nào kể xiết, tội ác của tên trưởng giả không thể dung tha. Có thể nói, với tên trưởng giả trong truyện, bản tính độc ác, tính cách háms lợi là những nét tiêu biểu của con người hắn.

Ở nhân vật phản diện đình trưởng trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*, sự giàu có của hắn dựa trên cơ sở sự bóc lột từ nhân dân lao động. Sự độc ác ấy có được cũng là nhờ những luật lệ vô lý đặt ra trong xã hội phong kiến. Hắn dùng mọi thủ đoạn để cướp bóc từ nhân dân, dùng mọi cách để moi móc trong nhân dân và bắt nhân dân phải cung phụng vô điều kiện. Nhìn chung, những nhân vật phản diện trong truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa* đều là những nhân vật độc ác, tham lam, háms tiền háms của, làm giàu bằng sự bóc lột của nhân dân lao động. Những nhân vật đó cũng điển hình cho bộ mặt của tầng lớp địa chủ và quan lại địa phương mặc sức bóc lột nhân dân dưới thời phong kiến.

Nếu truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa* miêu tả cái ác, nhân vật phản diện đại diện cho tầng lớp quan lại, địa chủ ở địa phương thì truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa* lại chủ yếu khắc họa bộ mặt chế độ phong kiến ở tầng lớp cao nhất trong xã hội là vua và quan lại ở triều đình. Và ở những nhân vật này, nét tính cách điển hình nhất có thể gọi tên có lẽ là ham mê sắc đẹp đến mù quáng. Tên quan Biện Điền chỉ vì nàng Ngọc Hoa không chấp nhận lời cầu hôn của mình mà tìm kế hại nàng, ép nàng rơi vào tay tên vua tàn ác Trang Vương. Hắn không quản ngại “Vượt sang Ngô quốc lấy cây bạch đàn” để tạc hình nàng Ngọc Hoa dâng lên tên vua háms sắc. Đến khi Trang Vương nhìn thấy Ngọc Hoa, vì muốn có được nàng mà sẵn sàng đổi nửa số mỹ nhân trong cung cho Phạm Tải, không được nữa thì giết luôn Phạm Tải để cướp Ngọc Hoa:

*Đức vua muốn kết nhân duyên
Giết chàng Phạm Tải cho yên mọi đường
Bấy giờ người sẽ lấy nàng
Kéo mà nhất quốc lưỡng vương, bất bình*

Những tên vua và quan dưới triều đình phong kiến trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa* là những nhân vật điển hình cho bộ phận vua chúa, quan lại ăn chơi sa đọa, hưởng lạc ở giai đoạn phong kiến suy tàn - thời điểm ra đời các truyện Nôm bình dân.

Những nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân ở trên không đơn thuần là nhân vật được tác giả tưởng tượng, mà trong đó, chắc chắn có một phần rất lớn chính là sự phản ánh hiện thực ở đời sống xã hội trung đại đương thời. Mặc dù không thể đầy đủ, nhưng qua các nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân, tác giả truyện Nôm cho ta một cái nhìn đa chiều, ở nhiều góc độ về một bức tranh xã hội khi chế độ phong kiến sắp đến lúc diệt vong.

3.2. Hành vi của nhân vật

Trong văn học phương Đông nói chung và văn học trung đại Việt Nam nói riêng, các tác giả thường chú trọng xây dựng nhân vật qua hành động. Hành động là phương diện chủ yếu, mấu chốt, là những hành động để nhân vật bộc lộ bản chất, tính cách. Các truyện Nôm bình dân như *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* cũng không nằm ngoài quy luật chung ấy của văn học phương Đông và văn học trung đại Việt Nam- khắc họa nhân vật chủ yếu thông qua hành động.

Ở các truyện Nôm bình dân nói trên, để xây dựng nhân vật nói chung, nhân vật phản diện nói riêng, tác giả chủ yếu chú trọng đến việc mô tả hành động nhân vật, để nhân vật bộc lộ bản chất qua hàng loạt những hành động từ đầu đến cuối tác phẩm.

Trong truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa*, khi thấy Tống Trân phải đi sứ mười năm, thấy Tống Trân không đảm bảo đem lại cho hắn nhiều lợi lộc về sau, hắn lại sẵn sàng ép Cúc Hoa lấy tên đình trưởng giàu có, có vai vế trong làng để sau được cậy nhờ. Với lão, hạnh phúc của con gái không quan trọng bằng việc gia tài của lão ngày càng đầy thêm. Đáng thương thay một nàng Cúc Hoa hết ép duyên rồi lại bị gả đi mấy lần, suy cho cùng cũng vì lòng tham không đáy của người cha tàn ác. Khi nàng không nghe lời, lão tàn nhẫn đến mức ra tay hành hạ con gái:

Bảo con chẳng được dùng dùng ra tay

Đóng ba lần cửa kín thay

Hãm con trong đó áo rày cởi ra

Roi song liền để trong nhà

Cơm ăn chẳng được ngày ba trận đòn

Cúc Hoa mặt võ xương mòn

Phản đau cha đánh, phản thương mẹ chồng

Không chỉ tàn nhẫn ngay cả với con gái mình, thói áp bức người đã trở thành tính cách của tên trưởng giả giàu có. Từ địa vị và xuất thân giàu có của mình, lão cho mình cái quyền áp bức tất cả những người nghèo khó. Đối với lão, mẹ Tống Trân là người hoàn toàn không can dự đến hắn, vậy mà hắn vẫn đem cái thói quen áp bức của mình đày đọa lên một người tuổi già đã bảy mươi:

Phú ông dạ tức như bào

Mẹ chồng cũng bắt hãm vào chuồng trâu

Áo quần chẳng cho mặc đâu

Đã bảy mươi tuổi giữ trâu hỡi bà!

Hãm tôi chẳng cho tôi ra

Lấy ai rận chấy cho bà, bà ôi !

Sự độc ác của trưởng giả cũng được hiện lên qua lời than đầy đau đớn của mẹ Tống Trân khi bị hấn bắt giam ở chuồng trâu:

*Cha nó ra dạ bất nghì
Được bảy năm tròn, bắt về rẽ duyên
Chẳng nghe đòn gánh đánh liền
Bắt tôi giam hãm ở miền chuồng trâu*

Thói tham tiền, hám của của lão trưởng giả đã đẩy hấn đến địa hạt của sự dã man, tàn nhẫn, táng tận lương tâm. Lão hành hạ chính con gái mình, rồi lại hành hạ cả bà cụ già đã đã vào tuổi thất thập. Sự tàn ác của lão trưởng giả đã lên đến đỉnh điểm khi hấn dẫm đạp lên mọi giá trị đạo đức để đạt được mục đích, lòng tham của mình.

Cùng với sự độc ác, tàn nhẫn, trưởng giả còn là kẻ tham tiền hám của. Lão ép Cúc Hoa lấy đình trưởng chỉ vì tham giàu sang. Hấn đi bắt Cúc Hoa trở về để ép nàng lấy tên đình trưởng giàu có. Để khắc họa tâm lý bề trên, tự cho mình quyền hành hạ người khác của tên nhà giàu, tác giả truyện Nôm lặp đi lặp lại hình ảnh tên trưởng giả luôn sẵn sàng trong tay nào “roi song”, “trúc côn” như thể muốn ăn tươi nuốt sống người khác. Từ đầu tác phẩm chưa hề thấy hấn quan tâm, chăm sóc cho con gái như một người cha mà chỉ thấy dọa nạt, ép buộc, đánh đập. Lần duy nhất hấn chăm sóc cho con thì không phải vì tình yêu thương mà là sự chuẩn bị để gả con vào nhà giàu nhằm đạt được mục đích riêng:

*Phú ông đem con về nhà
Xông hương, đánh phấn, ướp hoa nào ròi
Hoa thời kén những hoa tươi
Phấn thời kén thứ chẳng phai màu hồng*

Trưởng giả nói với con rể tương lai:

Con về sửa lễ để hòng cưới ngay

Trâu ba mươi con nộp đây

Cỗ bàn làng họ ba ngày ăn chơi

Miêu tả bản chất xấu xa của nhân vật trưởng giả, tác giả chủ yếu khắc họa nhân vật qua hành động. Nhân vật thể hiện bản chất qua hành động, và thất bại cũng chính từ những hành động đó. “Tên địa chủ trưởng giả trong truyện là đối tượng chính mà tác giả nhằm vào đó để đả kích. Không dùng những lời lẽ để buộc tội như truyện *Trình Thử*, tác giả buộc tội bằng cách cho tên địa chủ hành động và thất bại. Tác giả đã làm cho người ta vừa căm ghét, vừa khinh bỉ tên trưởng giả xấu xa và táng tận lương tâm” [38, tr.59].

Nếu trưởng giả là nhân vật xấu xa, tàn nhẫn, ích kỉ, hám lợi hám danh thì đình trưởng - người mà ông ép Cúc Hoa phải lấy là kẻ dựa vào chức quyền mà áp bức, bóc lột dân chúng. Sau ba năm ở rể, khi được trưởng giả cho phép lấy Cúc Hoa, đình trưởng đã bắt dân làng công nộp sức người, sức của cho đám cưới của hắn:

Mỡ rao khắp cả trong làng

Thôn nào giáp ấy bảo ban nhờ này:

“Tre thời mỗi người một cây

Đanh thời ba cái phải rày như y

Mẹ nào con ấy liền đi

Nhỏ thì lên một, nhớn thì lên ba”

Không những bắt dân làng phải góp công, góp của cho việc riêng của bản thân hắn, đình trưởng còn dùng chức tước của mình để dọa nạt, ép mọi người phải tuân theo những điều hắn sai bảo:

Đứa nào không đến nhà ta

Thời làng bắt khoán tiền là quan hai

Với nhân vật đình trưởng, hình ảnh những vị quan yêu dân, thương dân không còn nữa, thay vào đó là hình ảnh những tên quan lợi dụng chức quyền của mình để đày đọa, áp bức, bắt dân chúng cung phụng, vơ vét của dân làm của riêng mình. Tội ác của tên quan tham được hiện lên qua lời kể của tên ăn mày:

*Đình trưởng ăn cưới Cúc Hoa
Mỗi ngày giết những hai ba trâu cày*

Con trâu là vật có giá trị rất lớn trong đời sống của người nông dân ở một đất nước nông nghiệp. Vậy mà chỉ vì đám cưới của tên đình trưởng, hấn bắt nhân dân giết thịt trâu cày, cũng là sự cướp bóc trắng trợn những công cụ lao động nuôi sống người nông dân. Quan lại như đình trưởng chỉ làm khổ dân, đày đọa dân chứ đâu có mang lại điều gì tốt đẹp cho nhân dân. Công lý ở đây không phải là luật pháp, mà là những “lệ” do chính những tên quan tham ấy đặt ra cho dân chúng. Hình ảnh của tên đình trưởng trong truyện *Nôm Tống Trân - Cúc Hoa* chắc chắn là hình ảnh tiêu biểu, đại diện cho một bộ phận quan lại trong xã hội phong kiến ở thời đại tác giả truyện Nôm bình dân sáng tác tác phẩm.

Nằm trong hệ thống nhân vật phản diện, tên vua trong truyện cũng là nhân vật bị phê phán, lên án. Là người đứng đầu đất nước nhưng không đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết mà lại hành xử cảm tính theo tình riêng. Chỉ vì công chúa bị Tống Trân từ chối kết hôn khiến nàng thù hận vị Trạng nguyên. Chỉ vì chiều ý con mà nhà vua ra chiếu sai Tống Trân đi sứ mười năm:

*Ai ngờ chiếu vua cử tròng
Bắt đi sứ sự mười đông sẽ về*

Chỉ vì theo ý muốn của con gái, nhà vua không cần xét đến lý lẽ mà vội vàng sai Tống Trân đi sứ mười năm. Hành động đó tưởng chừng như đơn giản đối với hấn nhưng lại làm cho cuộc hôn nhân của đôi trai gái thêm muôn vàn trắc trở. “Chỉ một cái nhãn mày của con gái đủ khiến hấn bắt chấp lễ nghĩa, bất kể việc nước, làm hại nhân tài của quốc gia, làm tan nát gia đình của thần dân” [38, tr.127]. Một tên vua như vậy rõ ràng là một nhân vật phản diện đáng bị lên án trong tác phẩm.

Truyện Nôm *Tống Trân - Cúc Hoa* khắc họa hình tượng nhân vật phản diện bằng phương tiện chủ yếu nhất là hành động của nhân vật. Trong tác phẩm, các nhân vật phản diện từ trưởng giả, đình trưởng đến tên vua đều không nói nhiều, không nghĩ nhiều, không tự mình độc thoại mà bộc lộ tính cách, bản chất bằng hành động. Sự lên án, buộc tội của tác phẩm đối với các nhân vật phản diện bằng phương thức cho nhân vật tự hành động rồi thất bại. Qua hành động, mỗi nhân vật phản diện hiện lên với một màu sắc riêng, người thì hám danh hám tiền, kẻ thì ham sắc đẹp, còn vua thì vì tình cảm riêng, vì một cái nhãn mày của con gái mà vô tình đẩy cuộc hôn nhân của Tống Trân và Cúc Hoa vào muôn vàn khó khăn, biến cố. Mỗi nhân vật độc ác, “phản diện” ở một khía cạnh riêng nhưng tất cả bản chất đó đều được hiện hình rõ nét qua hành động.

Trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, nhân vật phản diện là những đại diện của tầng lớp cao nhất trong xã hội phong kiến - vua và các quan lại triều đình. Trang Vương, Biện Điền là những nhân vật đại diện tiêu biểu cho cái ác, cái phi nghĩa, cái hung bạo trong tác phẩm, cũng là cái cái ác, cái phi nghĩa ở tầng lớp vua quan phong kiến đương thời.

Vì lòng oán trách khi bị nàng Ngọc Hoa khước từ lời cầu hôn, Biện Điền đã giở mọi thủ đoạn vô lại, tàn ác để trả thù Ngọc Hoa và Phạm Tải:

*Biện Điền nó bắt nhân sao
Sấm sanh khí giới binh đao tức thì
Năm mươi kẻ cướp mượn về
Cùng theo một dạ, cùng ghi một lòng:
“Đứa nào giết được tướng công
Vàng cho mười nén, đèn lòng báo kia
Phạm chàng, bay giết nó đi
Còn nàng Trần thị bắt về cho tao”*

Nhưng sự trả thù của Biện Điền đối với vợ chồng Ngọc Hoa lại không thực hiện được vì bị trận phong ba ngăn cản. Chính điều đó lại càng làm nổi uất ức, căm phẫn trong lòng tên quan vô lại sôi sục hơn, càng đẩy quyết tâm trả thù của hắn lên cao hơn. Không chịu dừng lại ở đó, hắn tiếp tục bày mưu tính kế, tìm mọi cách để hãm hại Ngọc Hoa. Biết Trang Vương là ông vua đam mê nữ sắc, Biện Điền không quản xa xôi “Vượt sang Ngô quốc lấy cây bạch đàn” để tạc tượng Ngọc Hoa dâng lên cho vua chỉ vì mục đích trả thù nàng.

Trang Vương vốn là ông vua hiếu sắc, khi nhìn thấy tượng gỗ bạch đàn tạc hình Ngọc Hoa, dù chỉ là “mặt mộc” nhưng Ngọc Hoa hiện lên với vẻ đẹp tuyệt trần: “Lung ong má phấn tựa người tiên cung”. Sắc đẹp của Ngọc Hoa khiến Trang Vương vừa mới nhìn thấy đã mê mết, “não nùng đắm chiêu”. Biện Điền nhân cơ hội đó càng khen sắc đẹp của Ngọc Hoa, tên vua hiếu sắc ấy ngay lập tức cho quân đi bắt Ngọc Hoa nhập cung:

*Vua sai nội giám hai toà
Long xa, kiệu, tán, liền qua tức thì
Khâm sai vâng lệnh quốc uy
Truyền quân hỏa tốc trở về xứ Đông*

Lệnh vua không thể trái, Ngọc Hoa theo quân lính vào cung nhưng nàng cự tuyệt lời đề nghị của Trang Vương phong nàng làm Hoàng hậu, quyết tâm gạt hết những lời dụ dỗ ngon ngọt của nhà vua. Bị Ngọc Hoa khước từ, vua vẫn không thôi tìm mọi cách để ép nàng lấy hắn. Trang Vương triệu văn võ bá quan vào triều - không phải để lo cho dân cho nước mà là bàn cách để cướp vợ dân. Đường đường là quân vương một nước, người đứng đầu cả quốc gia, trong cung đã có ba trăm mỹ nữ nhưng vì ham mê sắc đẹp của Ngọc Hoa mà hắn mặc cả cùng Phạm Tải chia đôi số mỹ nữ trong cung để đổi lấy nàng Ngọc Hoa. Hóa ra, trong mắt Trang Vương, vợ lương dân và những cung tần mỹ nữ của hắn chỉ như một món hàng hóa có thể qua tay, trao đi đổi lại như một thứ đồ chơi không hơn không kém. Con người trong mắt tên vua hiếu sắc thật là rẻ rúng, tầm thường,

không có chút giá trị nào cả. Cũng chỉ bằng một hành động đó, Trang Vương hiện lên với bản chất hiếu sắc, sa đọa khiến người ta ghê tởm. Ở triều đình thối nát ấy, những kẻ xu nịnh, cô vũ cho thói ăn chơi sa đọa của nhà vua như Biên Điền lại là những người được coi trọng, được trọng dụng :

*Đòi người cung tiến Biện Điền
Khen rằng trung nghĩa tiến lên bệ rồng
Sắc phong cho nó quận công
Làm gương cho kẻ có lòng với tao!*

Người đứng đầu đất nước là một tên vua hiếu sắc, đê tiện nên cả quan lại dưới triều đình đó cũng dư thừa bỉ ổi, xấu xa. Văn võ bá quan có một phần can ngăn nhà vua nhưng phần ấy không đủ sức lay chuyển được ý vua đã định. Phần còn lại là những tên quan cũng bỉ ổi, đê tiện, là con ruột được sinh ra từ một triều đình thối nát. Triều đình không phải là nơi để nghị sự những việc trọng đại của quốc gia mà nơi để bàn bạc, thỏa mãn thói ăn chơi sa đọa của nhà vua:

*Bèn đòi văn võ bách thần
Mặc triều nghị luận việc nàng làm sao?*

Dù triều thần có khuyên can thì tên vua háo sắc cũng bỏ ngoài tai mọi lời tấu trình thẳng thắn, chân thành: *Rằng: “Triều nghị thế, sự đà không thông”*. Đó là cơ hội cho những tên quan xu nịnh khác lấy lòng nhà vua bằng việc khuyên nhà vua giết hại lương dân vô tội để dễ bề cướp vợ của dân:

*Bách quan bệ ngọc dâng lời:
“Bóng trắng xuống đất mặt trời mọc lên
Đức vua muốn kết nhân duyên
Giết chàng Phạm Tải cho yên mọi đường”*

Một vương triều mục ruỗng, thối nát, đê tiện từ vua đến quan lại, triều thần. Bộ máy quan lại không những không giúp sức cho vua, can ngăn hành động sai trái của nhà vua mà lại cùng vua bàn mưu tính kế để làm điều bất nhân. Quan

lại dưới vương triều ấy hiện lên với bộ mặt hèn nhát, bản thủ, gian ác. Trang Vương nghe theo lời khuyên của triều thần, lệnh cho chuẩn bị yến tiệc ban cho Phạm Tải để đầu độc chàng:

*Mật ong, lá ngón bỏ vào
Râu hùm, thuốc độc thế nào hiệu ngay
Làm xong, y thử đặt bày
Vua xem lòng đã vui vậy trước sau*

Ngọc Hoa đau xót trước cái chết của chồng, oán giận Trang Vương độc ác, bất nhân:

*Trách Trang Vương cầm quyền loạn phép
Hiếm chi người, nữ ép phụ nhân!
Chồng tôi thác đã thiệt thân
Ắt là thiên địa xoay vần mới hay*

Truyện Nôm *Phạm Tải - Ngọc Hoa* phản ánh bức tranh xã hội dưới thời phong kiến với sự mục ruỗng, thối nát của chế độ phong kiến. Trong xã hội ấy, có thể nói đa phần từ vua đến quan lại đều là những kẻ xấu xa, hiếu sắc, làm những việc bỉ ổi, bất nhân. Những hành vi ấy đã dựng lên một bức tranh xã hội mang tính hiện thực, phản ánh bộ mặt xã hội phong kiến trong giai đoạn suy tàn.

Khác với hai truyện Nôm bình dân trên, truyện *Thạch Sanh* không phản ánh bức tranh đời sống xã hội ở tầng lớp trên, những kẻ giàu có, cường hào, địa chủ địa phương hay vua quan ở triều đình mà chủ yếu hướng vào cuộc sống của những người dân bình thường. Trong truyện *Thạch Sanh*, nhân vật phản diện điển hình nhất, hội tụ đầy đủ những cái xấu xa của tác phẩm phải kể đến Lý Thông. Lý Thông xuất thân làm nghề buôn rượu, nhưng tính cách con buôn gian xảo, quỷ kế, ham lợi ích còn biến hắn trở thành kẻ buôn người. Trong cả tác phẩm, mỗi lần có khó khăn, thử thách là một lần Lý Thông lại giở thói khôn ngoan, điêu trá để lừa lọc Thạch Sanh và hưởng lời từ công lao người khác. Qua từng sự việc, tính cách đó của Lý Thông càng hiện hình rõ nét hơn.

Khi đã trừ được mối lo đến phiên mình nộp mạng cho Trần tinh, mạng sống của Lý Thông không còn bị đe dọa, cứ tưởng rằng công lao đó của Thạch Sanh phải được mẹ con Lý Thông cảm kích, đối đãi chân thành, biết ơn sâu sắc thì không ngờ đó cũng là lúc sự nham hiểm cùng lòng tham - bản chất của con buôn nổi lên:

Lý Thông là đứa hiểm sâu

Dọa rằng: “Tội ấy chém đầu chẳng chơi

Xà tinh ấy của vua nuôi

Để làm bấu nước sao người giết xằng!

Từ một người có công hiền hách, trừ được Xà tinh, giúp dân giúp nước diệt trừ mối hiểm họa, gần nhất là giúp Lý Thông giữ được mạng sống của mình. Vậy mà công lao ấy bỗng chốc trở thành “tội chém đầu” bởi kẻ nham hiểm như Lý Thông! Hắn không nghĩ đến người đã cứu mạng sống của mình, không biết ơn kẻ đã cứu mình, không hối lỗi, day dứt vì lừa người thế mạng mà lại mưu mô cướp đoạt, tranh công. Sự hiểm sâu, tính vị lợi đúng là bản tính của con người Lý Thông, khiến hắn có thể bất chấp tất cả. Chỉ cần vì bản thân, hắn sẵn sàng thực hiện hành vi độc ác, sẵn sàng hãm hại người khác mà không hề run sợ, không hề do dự hay áy náy. Bản tính ấy lại được đội lốt bằng sự quan tâm, hết lòng lo lắng cho an nguy của Thạch Sanh:

Lý Thông rằng: “Muốn tốt lành

Người mau trốn tránh điều đình mặc ta

Nếu không, vạ đến cả nhà

Bây giờ thán hỏi lại là muôn thay!

Trong xã hội phong kiến, vua là đáng chí tôn, ở vị trí trên cao khiến người người nể sợ tuân theo. Nhưng Lý Thông là kẻ vị lợi, vì muốn tranh công với Thạch Sanh, bị danh vọng, viễn cảnh giàu sang phú quý làm cho mờ mắt mà dám lừa dối cả đáng chí tôn:

Lý Thông liền đến kinh kỳ tâu vua:

Tâu rằng: “Buổi tối hôm qua

Là phiên tôi phải đi ra miếu ngoài

Thấy Xà tinh muốn ra oai

Tôi liền giở hết phép tài của tôi

Hắn nói dối, khoe khoang tài năng mà thực chất mình không có, phô trương việc mình không làm được mà không hề cảm thấy xấu hổ hay có chút do dự, lưỡng lự nào. Rõ ràng, tính vị lợi không những khiến Lý Thông dám làm những việc hại người độc ác mà cả đến việc nguy hiểm có thể dẫn đến họa “chu di cửu tộc” như lừa dối vua hắn cũng dám làm. Lợi ích đã làm mờ mắt, lòng tham đã che kín đạo đức con người, khiến kẻ vị lợi càng bất nhân hơn bao giờ hết. Tác giả truyện Nôm cũng phải thốt lên trước sự tranh công trắng trợn, trước sự xảo trá dối lừa của Lý Thông:

Rõ ràng một vị công hầu

Tranh công mà được sang hầu, lạ thay!

Nếu như Lý Thông lừa Thạch Sanh thay mình đi canh miếu vì sợ chết, vì muốn bảo toàn mạng sống thì hắn lại cướp công giết Xà tinh của Thạch Sanh vì lòng tham giàu sang phú quý, viển cảnh được hưởng thụ, sung sướng:

Hầu non gái tốt đêm ngày

Trâm hào mỹ vị thưởng hay thanh nhàn

Đã thế, vì muốn an toàn dài lâu, muốn bùng bít những điều gian dối, ác độc của mình, Lý Thông lại một lần nữa có ý muốn giết Thạch Sanh đi để trừ hậu họa về sau:

Chẳng còn tưởng đến bạn vàng

Một hai muốn kiếm tìm đường giết đi

Bản tính vị lợi con buôn, lòng ác độc, sự hiểm sâu, mưu mô đuôi cùng giết tạn khiến Lý Thông mất hết nhân tính và hành xử như loài cầm thú.

Đến khi công chúa bị đại bàng bắt đi, vua sai Lý Thông - người có tài giết được Trăn tinh đi cứu công chúa. Nhưng Lý Thông đâu phải kẻ trí lược, chỉ là kẻ mưu mô để tranh công. Nay lệnh vua ban xuống không dám chối từ, hắn lại dờ bả tính lươn lẹo con buôn, lập mưu để tìm Thạch Sanh về giúp hắn. Lý Thông mở hội mười ngày, nhân dân khắp nơi nô nức kéo đi xem hội. Rạp hát đã mở tám, chín ngày trời nhưng vẫn chưa thấy Thạch Sanh xuất hiện khiến Lý Thông lo lắng. Phải đến tối ngày thứ mười, Thạch Sanh kiếm củi đi ngang qua, nghe đờn giờ đây Lý Thông vinh hiển, mở hội cho nhân dân, chàng mới rẽ vào xem hát. Lý Thông nhìn thấy Thạch Sanh thì vui mừng như tìm được người giải nguy cho mình, hắn lại giở sự “tử tế” con buôn ra để tỏ tình xưa nghĩa cũ với Thạch Sanh:

*Thông xem rõ mặt một khi
Mời Sanh vội vã ngồi thì ở trên
Các quan hầu hạ hai bên
Đứng thưa mới hỏi rằng viên nào rày?
Thông rằng: “Cựu khế tôi đây
Cùng nhau kết bạn những ngày còn thơ
Hội riêng may lại tình cờ
Nghĩ rằng ai đó mà ngờ gặp đây”
Truyền đem quần áo đổi thay
Lựa tơ gấm vóc thực nay lạ lùng*

Nếu trước đây Lý Thông tráo trở, gian tà tìm cách đuổi Thạch Sanh đi để tranh công bao nhiêu thì đến giờ lại bày tỏ lòng tốt của mình với Thạch Sanh bấy nhiêu. Tình nghĩa xưa bị Lý Thông tìm cách phũ tay, giã đập thì nay lại trở thành thứ cứu giúp Lý Thông khỏi tội khi lệnh vua ban xuống. Chính vì vậy hắn tìm mọi cách quan tâm đến Thạch Sanh, gọi nhớ lại tình nghĩa anh em trước đây:

Thông rằng: “Em giận trách anh

*Nào anh có dám quên tình em đâu
Từ ngày xa cách mặt nhau
Nhớ em, buồn bã khó hầu thăm lén!*

Lý Thông tìm được Thạch Sanh như tìm được người giải nguy cho mình, khi đó hắn bày đặt đủ sự tử tế để Thạch Sanh giúp mình tìm công chúa về. Hắn dỗ Thạch Sanh bằng tình xưa nghĩa cũ, hứa hẹn vinh hiển mai sau để Thạch Sanh tin theo:

*Em đã biết rõ căn nguyên
Để anh thu xếp cho tuyền việc công
Về sau trước lộc hưởng chung
Đệ huynh vinh hiển yên lòng mẹ cha*

Thạch Sanh dẫn lối chỉ đường cứu được công chúa Quỳnh Nga. Nhưng Lý Thông vẫn tính nào tật đấy, tính cách của hắn không hề thay đổi mà còn xảo trá, nham hiểm hơn xưa. Nếu trước đây Lý Thông chỉ kiếm có đuổi Thạch Sanh đi để cướp công thì nay vì tranh công, hắn còn sẵn sàng hại chết Thạch Sanh. Khi vừa cứu được công chúa khỏi hang sâu, Lý Thông lăn đá lấp cửa hang, nhốt Thạch Sanh lại trong hang sâu bịt bùng:

*Lý Thông lăn đá ầm ầm
Cửa hang phút lấp tuyệt tăm tích người*

Vì lợi ích của mình, ngay đến việc độc ác, bất nhân là giết bạn Lý Thông cũng không từ. Mọi vinh hiển, phú quý công danh của Lý Thông đều được tạo nên từ bàn tay của Thạch Sanh nhưng hắn vẫn hết lần này đến lần khác tìm cách hãm hại chàng. Sự bất nhân của Lý Thông càng ngày càng tăng lên, càng ngày hắn càng tàn độc hơn, bất chấp mọi thủ đoạn hơn chỉ vì lợi ích, lòng tham của chính mình. Khi lừa Thạch Sanh cứu được công chúa ra khỏi hang sâu, Lý Thông được làm con rể của vua, hắn chỉ ngày đêm khẩn nguyện cho công chúa chịu mở lời để hắn được lấy nàng công chúa, được vua nhường ngôi báu.

Khi Thạch Sanh bị bọn Xà tinh, Đại bàng hãm hại, vu oan cho tội ăn trộm đồ của vua, nhà vua ra lệnh cho Lý Thông đích thân xử lý vụ án này. Đối với kẻ gian xảo, hiểm ác như Lý Thông, đây là cơ hội để hắn mượn tay luật pháp diệt trừ Thạch Sanh:

*Dạy đem giam ngục Lại lê
Canh cho nghiêm mật, chớ hề hở han
Vâng lời Thông dạy liền giam
Đêm ngày tra khảo, nổi chàng mà thương!*

Khi Lý Thông biết người bị bắt chính là Thạch Sanh, hắn không những không ra tay cứu giúp chàng mà còn tìm cách hành hạ thêm. Lý Thông thấy đây là cơ hội để “nhỏ cỏ tận gốc” nên không ngần ngại dùng đủ mọi trò tra khảo, khép Thạch Sanh vào tội chém đầu, sai quân lính tống giam Thạch Sanh vào ngục để chờ ngày hành hình:

*Lý Thông ngồi nghĩ một mình
Nếu mà tau sợ sự mình tỏ ra
Chẳng bằng khâm mệnh quốc gia
Chờ ba ngày nữa, đem ra xử tù*

Lý Thông chẳng cứu giúp, giải oan cho Thạch Sanh mà còn tìm cách hại chàng thêm. Hắn ngày đêm sai cai ngục tra tấn, đày đọa Thạch Sanh ở trong ngục. Có thể nói, từ đầu đến cuối, mục đích lớn nhất mà Lý Thông hướng đến chỉ có lợi ích của bản thân. Tính cách vị lợi vừa là nguồn gốc, vừa là đặc trưng điển hình nhất của nhân vật phản diện này. Vì lợi ích của mình, hắn sẵn sàng chà đạp lên tất cả, không từ một thủ đoạn nào để đạt được mục đích. “*Lý Thông quả là một kẻ táng tận lương tâm, trước mắt y chỉ có một cái đáng trọng đó là lợi. Y có thể làm tất cả tội ác để kiếm lợi. Lợi là mục đích của đời y. Tư tưởng và hành động của y quả là tư tưởng và hành động của con buôn*” [38, tr.92].

Nếu Lý Thông là nhân vật đại diện cho lực lượng phá hoại về mặt xã hội - những con người xấu xa, độc ác ngay trong chính nội bộ nhân dân - thì quân đội mười tám nước chư hầu tiêu biểu cho lực lượng ngoại xâm:

*Rủ nhau phẫn lữ binh hung
Báo thù cho bõ chút lòng chê ta
Nghe tin các nước gần xa
Nước nào nước ấy binh gia trập trùng
Đi bộ, núi lở tan không
Đi thủy, nước chảy khô sông lạ đường*

Hành động của quân đội mười tám nước chư hầu kéo quân đi đánh một nước chỉ vì con trai họ bị một người con gái khước từ. Đó đâu chỉ là chuyện tranh giành mỹ nhân, mà cuộc chiến ấy làm tan tác “núi lở”, “khô sông”, khiến bao sinh linh rơi vào cảnh lầm than. Xếp quân đội mười tám nước chư hầu vào hệ thống nhân vật phản diện vì “*không ai không khinh ghét vua mười tám nước chư hầu khi họ chỉ vì một người con gái không ưng lấy con trai họ, đã động viên lực lượng nhân dân nước họ đi đánh một nước vốn không thù hằn gì với họ*” [38, tr.93].

Trong truyện *Thạch Sanh*, Lý Thông là nhân vật phản diện điển hình nhất. Tất nhiên, độc ác, mưu mô, vị lợi là bản tính sẵn có trong con người Lý Thông, nhưng mọi sự độc ác, mưu mô xảo trá của Lý Thông mỗi lần lại được bồi đắp thêm khi có sự kết hợp của các nhân vật phản diện là những loài yêu tinh như Trăn tinh, đại bàng... Từ những loài yêu tinh hoành hành trốn nhân gian, mỗi lần Thạch Sanh lập công, giải nguy cho dân là một lần Lý Thông tìm thêm cơ hội lợi dụng để đem lại lợi ích cho mình.

Trong những loài yêu quái đại diện cho các lực lượng phản diện, phá hoại xã hội trong truyện, trước hết phải kể đến Trăn tinh. Trăn tinh vốn là loài rắn lớn sống lâu đã thành tinh, chuyên bắt người để ăn thịt:

Hay đi những nhiều các nơi

Hiện hình nam tử bắt người về ăn

Từ ngày được nhà vua cho xây dựng miếu thờ, Trăn tinh bớt đi quấy nhiễu đời sống nhân dân mà sống nhờ vào sự cung phụng, cống nạp của người dân trong vùng.

Cũng giống như Trăn tinh, Đại bàng cũng là loài yêu tinh hàng ngày tìm bắt người để ăn thịt:

Dạo tìm thiên hạ khắp nơi

Tìm người mà bắt, được người khiếp uy

Trăn tinh, Đại bàng đều là những giống mưu mô. Khi bị Thạch Sanh đánh bại, chúng ngày đêm đi bắt chó, bắt gà, hoành hành trong dân gian:

Ngày ngày thơ thẩn ăn mày

Đêm đi ăn trộm của rày thôn dân:

Bắt gà, bắt chó kiếm ăn

Làm cho hủy hoại thôn dân ngày ngày

Mãng xà hồn cũng ghê thay!

Khốn cùng ăn những thứ cây ngô đồng

Cùng nhau ăn trộm làm xằng

Bắt gà, bắt chó khắp vùng thôn dân

Làm cho chó cắn âm âm

Thôn dân xơ xác, nhiều phần khốn thay.

Khi hai loài yêu quái ấy gặp nhau và cùng kể lại chuyện bị Thạch Sanh đánh bại, chúng tìm cách bày mưu hãm hại chàng. Các loài yêu tinh ranh ma bày kế vu oan cho Thạch Sanh lấy trộm đồ kim ngân quý giá của nhà vua, khiến quan quân đến bắt Thạch Sanh chịu tội:

Hai hồn khi ấy vào kho

Cùng nhau lấy hết cả đồ kim ngân

Giở đi giở lại tàn ngàn

Cho quân canh biết dời chân ra ngoài

Trần tinh, Đại bàng và Hồ tinh là ba nhân vật phản diện đại diện cho ba lực lượng phá hoại của ba cõi: ở mặt đất, ở trên không và ở dưới nước. Các loài yêu tinh ấy phá hoại cuộc sống của con người nói chung và gây khó khăn, nguy hiểm đối với Thạch Sanh nói riêng. Nhưng cuối cùng, trong những cuộc đấu tranh đó, chiến thắng đều thuộc về phe chính nghĩa. Cuộc đấu tranh giữa Thạch Sanh và các nhân vật yêu tinh phản ánh cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt của con người chống lại những lực lượng tự nhiên phá hoại để bảo vệ sự sống còn của chính mình.

Từ cốt truyện cổ tích trong dân gian, tác giả truyện Nôm bình dân đã tìm thấy những nét tương đồng để trên cơ sở đó sáng tác tác phẩm, đáp ứng nhu cầu phản ánh bức tranh xã hội phong kiến đương thời. Có thể nói, với nhân vật Lý Thông, nét tính cách điển hình là vị lợi, tham lam, tráo trở, bạc ác. Bên cạnh nhân vật Lý Thông, truyện còn phản ánh những phương diện khác của đời sống xã hội qua một hệ thống những lực lượng tự nhiên và xã hội phá hoại xã hội. Mỗi nhân vật một tính cách riêng, một màu sắc riêng tạo nên hệ thống nhân vật phong phú, đa dạng trong tác phẩm.

Truyện Nôm *Thạch Sanh* đã xây dựng một hệ thống nhân vật phản diện đông đảo và phong phú nhất trong số các truyện Nôm bình dân nghiên cứu ở luận văn này. Qua những hành động xuyên suốt tác phẩm, “*các lực lượng phá hoại được miêu tả theo nhiều phương thức khác nhau, khiến cho không lực lượng phá hoại nào giống lực lượng phá hoại nào, mà lực lượng phá hoại nào cũng khiến cho người đọc phải thù ghét hoặc khinh bỉ*” [38, tr.93].

*** Tiểu kết chương 3:**

Trong chương 3, chúng tôi nghiên cứu nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* ở các khía cạnh thi pháp như tính cách và hành vi của nhân vật.

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, cũng giống như một số truyện Nôm bình dân khác thì các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*,

Phạm Tải - Ngọc Hoa đều chủ yếu xây dựng kiểu nhân vật con người hành động nên hành vi là phương tiện nghệ thuật quan trọng để thể hiện hình tượng nhân vật. Với truyện Nôm bình dân nói riêng và văn học trung đại nói chung, hành vi là phương tiện quan trọng trong việc xây dựng hình tượng nghệ thuật. Mỗi nhân vật có những hành động riêng nhưng tất cả đều thể hiện bản chất xấu xa, bỉ ổi, tham lam, hám danh hám lợi... Đây cũng là tiêu chí để xếp các nhân vật thuộc về hệ thống nhân vật phản diện.

KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu những vấn đề chung đến những khía cạnh thi pháp xây dựng nhân vật phản diện cụ thể, chúng tôi sơ bộ rút ra một số kết luận sau:

1. Truyện Nôm là một trong những thể loại đặc sắc và giàu giá trị của nền văn học trung đại Việt Nam với khoảng bốn thế kỷ hình thành và phát triển. Thể loại này đã có những đóng góp lớn cho sự phát triển và trưởng thành của văn học dân tộc qua quá trình dài tìm đường, tiếp nhận và sáng tạo không ngừng. Những thành quả của thể loại được biểu hiện ở rất nhiều phương diện trong đó có phương diện xây dựng nhân vật.

2. Nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân tiêu biểu như *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* là một phần quan trọng tạo nên sự thành công của các truyện Nôm bình dân nói chung. Để xây dựng thành công hình tượng nhân vật ấy, không thể không kể đến thi pháp xây dựng nhân vật phản diện đặc sắc của các tác giả truyện Nôm. Tuy nhiên, vấn đề thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân chưa được đặt thành một công trình nghiên cứu riêng biệt, hệ thống. Luận văn này đã góp thêm một góc nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về vấn đề chưa được nghiên cứu đầy đủ này.

3. Xuất thân và ngôn ngữ là một trong những phương diện có ý nghĩa quan trọng trong thi pháp xây dựng hình tượng nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân. Ở mỗi truyện Nôm, các nhân vật phản diện đại diện cho từng tầng lớp khác nhau trong xã hội, từ vua quan phong kiến thối nát - tiêu biểu trong truyện *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, từ quan lại đến địa chủ giàu có ở địa phương - tiêu biểu trong truyện *Tống Trân - Cúc Hoa* đến tầng lớp nhân dân lao động - tiêu biểu qua giới con buôn trong truyện *Thạch Sanh*. Cũng trong truyện *Thạch Sanh*, tác giả truyện Nôm còn phản ánh sự đấu tranh của con người với tự nhiên qua việc miêu tả các lực lượng phá hoại trong tự nhiên như những loài yêu tinh đại diện

cho ba cõi. Những nhân vật phản diện đó cho ta một cái nhìn khái quát về những cái xấu trong xã hội phong kiến đương thời. Xuất thân của nhân vật cũng là yếu tố chi phối sâu sắc đến các đặc điểm khác của nhân vật như ngôn ngữ, tâm lý, hành vi.

Để xây dựng nhân vật phản diện, không thể không kể đến ngôn ngữ nhân vật. Qua việc nghiên cứu ngôn ngữ của các nhân vật phản diện, chúng tôi nhận thấy, các tác giả truyện Nôm bình dân chủ yếu khắc họa nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại mà rất ít có ngôn ngữ độc thoại. Ngôn ngữ độc thoại chỉ xuất hiện một vài lần ở nhân vật Lý Thông. Trong ba truyện Nôm nghiên cứu, đây cũng là nhân vật có ngôn ngữ đặc sắc hơn cả. Đặc điểm ngôn ngữ của các góp phần khắc họa tính cách, bản chất của mỗi nhân vật phản diện trong truyện Nôm bình dân.

4. Cùng với xuất thân và ngôn ngữ, các tác giả truyện Nôm bình dân cũng thành công trong thi pháp xây dựng nhân vật phản diện khắc họa điển hình hành vi của nhân vật tùy thuộc với từng hoàn cảnh xuất thân và điều kiện xã hội chi phối. Hành động là phương diện điển hình nhất để nhân vật bộc lộ bản chất, tính cách của mình.

Nằm trong dòng mạch chung của truyền thống văn học phương Đông và văn học trung đại Việt Nam, truyện Nôm bình dân cũng chưa khắc họa sâu sắc nhân vật ở phương diện tâm lý. Tuy vậy, cũng có thể tìm thấy những nét vẽ sơ lược, bước đầu về tâm lý của các nhân vật phản diện ở những loại truyện này. Những nét tâm lý đó tuy chưa đạt đến trình độ nghệ thuật đặc sắc nhưng là những bước chuẩn bị cần có cho sự hoàn thiện nghệ thuật xây dựng tâm lý nhân vật ở văn học Việt Nam những giai đoạn sau.

5. Những nhân vật phản diện trong các truyện Nôm bình dân *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* không đơn thuần chỉ là nhân vật trong tác phẩm mà là một sự phản ánh những lực lượng phá hoại xã hội, bộ mặt xấu xa của chế độ phong kiến từ triều đình trung ương đến quan lại địa phương và ngay chính trong nội bộ nhân dân ở giai đoạn suy tàn, mục nát của chế độ

phong kiến. Tất cả thi pháp xây dựng nhân vật phản diện được tác giả triển khai trong tác phẩm đều góp phần làm nổi bật hình tượng nhân vật phản diện - những kẻ xấu xa trong lòng xã hội phong kiến đương thời. Qua việc xây dựng hình tượng các nhân vật phản diện ấy, tác giả truyện Nôm thể hiện một thái độ, một ước mơ muốn lên án và phê phán cái xấu đang hiện hữu trong đời sống.

6. Những thành công trong thi pháp xây dựng nhân vật phản diện trong một số truyện Nôm bình dân như *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa* là một tiếng nói góp phần khẳng định sự thành công của thể loại truyện Nôm nói chung và truyện Nôm bình dân nói riêng. Những nghiên cứu mà chúng tôi đưa ra trong luận văn này hi vọng góp thêm một cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về thành tựu của truyện Nôm cũng như khẳng định vị thế của thể loại này trong văn học trung đại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2009), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Hoa Bằng (1957), *Khảo luận về truyện Thạch Sanh*, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Cảnh (Chủ biên - 2010), *Giáo trình lịch sử Việt Nam tập 3*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Dân (2003), *Lí luận văn học so sánh*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Đoàn Lê Giang (2000), *Ý thức văn học trung đại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thị Bích Hà (1996), *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
7. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên - 2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Lê Văn Hán, Kiều Thu Hoạch, Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Thanh Xuân (1993), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 14A, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Lê Văn Hán, Kiều Thu Hoạch, Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Thanh Xuân (1993), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 14B, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Dương Thu Hằng (2013), *Đề cương bài giảng Tổng quan văn học Việt Nam Trung đại*, NXB Đại học Thái Nguyên.
11. Nguyễn Thái Hòa (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

12. Kiều Thu Hoạch (1992), *Truyện Nôm nguồn gốc và bản chất thể loại*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Kiều Thu Hoạch (2007), *Truyện Nôm - Lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Phạm Hùng (2001), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XX*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
15. Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông: gọi những điểm nhìn tham chiếu*, NXB Văn học, Hà Nội.
16. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
17. Trần Đình Hượu (2001), *Các bài giảng về tư tưởng Phương Đông*, Lại Nguyên Ân biên soạn, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
18. Trần Đình Hượu (2007), *Tuyển tập những vấn đề về triết học và lịch sử tư tưởng*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
19. Đinh Gia Khánh (Chủ biên - 1997), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
20. Đinh Gia Khánh (1998), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
21. Nguyễn Lân (2007), *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, NXB Văn học, Hà Nội.
22. Đặng Thanh Lê (1968), “Nhân vật phụ nữ qua một số truyện Nôm”, Tạp chí Văn học, số 2/1968.
23. Đặng Thanh Lê (1979), *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Lộc (2009), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII - hết thế kỉ XIX*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
25. Phương Lưu (1988), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
26. Hồ Á Mẫn (2011), *Giáo trình văn học so sánh*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

27. Nguyễn Đăng Na (1997), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
28. Nguyễn Đăng Na (Chủ biên - 2005), *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
29. Nguyễn Đăng Na (2006), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
30. Nguyễn Đăng Na (Chủ biên - 2010), *Văn học trung đại Việt Nam*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
31. Lê Hoài Nam (1960), *Phạm Tải - Ngọc Hoa - một truyện Nôm khuyết danh có giá trị*, Tập san Nghiên cứu văn học số 8/1960 .
32. Lê Hoài Nam (1978), *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội.
33. Nguyễn Quang Ngọc (2010), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
34. Bùi Văn Nguyên (1960), “Truyện Nôm khuyết danh một hiện tượng đặc biệt của văn học Việt Nam”, *Văn nghệ* số 7/1960.
35. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2006), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
36. Phan Nhật (1972), “Tìm hiểu Thạch Sanh ở Cao Bình, Hòa An, Cao Bằng”, *Tạp chí văn học*, số 6/1972.
37. Nhiều tác giả (1999), *Phê bình bình luận văn học*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
38. Nhiều tác giả (1999), *Phê bình - bình luận văn học: Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Phương Hoa, Thạch Sanh*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
39. Nhiều tác giả (2000), *Kho tàng truyện Nôm khuyết danh Việt Nam*, Tập 1, NXB Văn học, Hà Nội.

40. Nhiều tác giả (2000), *Kho tàng truyện Nôm khuyết danh Việt Nam*, Tập 2, NXB Văn học, Hà Nội.
41. Nhiều tác giả (2003), *Văn học so sánh - Nghiên cứu và dịch thuật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
42. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học* (bộ mới), NXB Thế giới, Hà Nội.
43. Hoàng Phê (Chủ biên - 2009), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.
44. Vũ Tiến Quỳnh (1999), *Tổng Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Phương Hoa, Thạch Sanh*, NXB Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
45. Trần Đình Sử (1995), *Thi pháp thơ Tố Hữu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
46. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
47. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
48. Trần Đình Sử (Chủ biên - 2009), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
49. Bùi Duy Tân (1998), *Chuyên đề khái luận về văn học trung đại Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
50. Bùi Duy Tân (2001), *Khảo và luận một số thể loại - tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
51. Trần Ngọc Thêm (2008), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
52. Trần Ngọc Thêm (2014), *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*, NXB Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
53. Lã Nhâm Thìn (2009), *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
54. Trần Nho Thìn (2000), “Mô hình hai thế giới và phương pháp luận nghiên cứu văn học trung đại”, *Tạp chí Văn học*, số 12/2000.
55. Trần Nho Thìn (2002), “Tính hệ thống của tiến trình lịch sử văn học Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 7/2002.

56. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
57. Lê Trí Viễn (1996), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình tác giả văn học nhà nho tài tử trong văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
59. Hoàng Hữu Yên, Trần Thị Băng Thanh, Lê Bảo, Lã Nhâm Thìn (1992), *Giảng văn Văn học trung đại Việt Nam*, tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội.